

Chương 5

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986)

I. ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BƯỚC ĐẦU CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 - 1981)

**1. Tham gia xây dựng chính quyền, củng cố Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp, thực hiện chính
sách hòa hợp, hòa giải dân tộc, khắc phục hậu quả chiến
tranh, khôi phục sản xuất (1975 - 1976)**

Sau ngày Quảng Nam - Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng (29 - 3 - 1975), các cơ quan tiền phương của tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà đã vào thành phố, thị xã tiếp quản các cơ sở chính quyền của địch. Các cơ quan của Đặc khu Quảng Đà đóng ở thành phố Đà Nẵng, các cơ quan lãnh đạo tỉnh Quảng Nam đóng tại thị xã Tam Kỳ. Ngày 30 - 3 - 1975, Ban Thường vụ Khu ủy V ra quyết định chỉ định ông Hồ Nghinh - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy làm Bí thư Đặc Khu ủy Quảng Đà, kiêm Chủ tịch Ủy ban Quân quản thành phố Đà Nẵng. Tỉnh ủy Quảng Nam do ông Hoàng Minh Thắng làm Bí thư, Ủy ban Quân quản tỉnh Quảng Nam do ông Võ Quỳnh (Võ Văn Đoàn) - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch. Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng Đặc khu Quảng Đà do ông Hồ Nghinh - Bí thư

Đặc Khu ủy làm Chủ tịch; Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam do ông Nguyễn Thành - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận - Mặt trận làm Chủ tịch.

Để sớm ổn định tình hình các vùng mới giải phóng, cuối tháng 3 đầu tháng 4 - 1975, chính quyền cách mạng từ tỉnh đến xã, thôn nhanh chóng được thành lập và giữ quyền kiểm soát toàn bộ địa bàn. Các thành viên của chính quyền cách mạng do cơ quan chính quyền cấp trên chỉ định, hoặc do tổ chức Đảng, đoàn thể cùng cấp cử ra.

Quán triệt chủ trương của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, tại các vùng mới giải phóng, chính quyền cách mạng tiếp nhận những cơ sở vật chất, kỹ thuật, cơ sở kinh tế, văn hóa, các căn cứ quân sự, các công trình công cộng..., của chế độ cũ. Nhờ ý thức cảnh giác, tinh thần đấu tranh kiên quyết của các tầng lớp Nhân dân, cùng sức mạnh tiến công của các lực lượng vũ trang giải phóng, nên công tác tiếp quản vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ các căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hóa được tiến hành khẩn trương và kết quả thu nhận được gần như nguyên vẹn.

Đồng thời với việc xây dựng chính quyền các cấp, các đoàn thể quần chúng cách mạng được thành lập và phát triển trong các vùng mới giải phóng. Ở những nơi đã có các đoàn thể hoạt động bí mật từ trước thì nay đều ra hoạt động công khai và được củng cố, mở rộng thêm đội ngũ. Ở những nơi chưa có cơ sở cách mạng, trong không khí phấn khởi sau ngày giải phóng, đồng bào ta từ thành thị đến nông thôn nô nức gia nhập các đoàn thể cách mạng, hăng hái tham gia các hoạt động xây dựng

cuộc sống mới. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp phát triển nhanh, mở rộng phạm vi tới mọi ngành, mọi giới trong xã hội. Mặt khác, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ Quảng Nam và Đặc khu uỷ Quảng Đà về việc động viên sức người, sức của phục vụ cho chiến dịch giải phóng các tỉnh, thành còn lại của miền Nam. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và đoàn thể các cấp tích cực huy động trong dân hàng ngàn các loại phương tiện vận chuyển để đưa bộ đội, xăng dầu, lương thực, thực phẩm vào các tỉnh phía Nam. Riêng Hội Phụ nữ giải phóng đã vận động chị em trong các tầng lớp Nhân dân, nhất là chị em tiểu thương, tiểu chủ đóng góp lương thực, thực phẩm để ủng hộ bộ đội trên đường vào Nam chiến đấu¹.

Chính quyền cách mạng các cấp cùng các đoàn thể quần chúng đã thực hiện những biện pháp nhanh chóng ổn định tình hình chính trị - xã hội, giữ vững và phát huy những thành quả cách mạng đã giành được. Không lâu sau khi tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà được hoàn toàn giải phóng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt trong các tầng lớp Nhân dân nội dung *Chính sách Mười điểm* đối với vùng mới giải phóng, do Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam công bố (1 - 4 - 1975) về thái độ của cách mạng đối với binh lính, sĩ quan các cấp trong quân đội Sài Gòn và gia đình của họ. Chính sách khẳng định: *“Chỉ trừ số ít những kẻ ngoan cố, cam tâm bán nước, làm tay sai cho Mỹ, gây nhiều tội ác đối với nước, với dân - đại diện là tập đoàn thống trị Nguyễn Văn Thiệu, còn phần lớn anh em binh lính, sĩ quan bị lừa hoặc bị cưỡng bức. Cách mạng hoan nghênh những ai quay trở về với dân tộc,*

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 16.

ghi nhận những người có công và khen thưởng tùy theo mức độ, không phân biệt đối xử. Ai có công đặc biệt sẽ được thăng cấp. Ai vì lợi ích dân tộc mà gặp khó khăn sẽ được cách mạng giúp giải quyết khó khăn. Ai đưa vốn ra kinh doanh, cách mạng khuyến khích. Về với cách mạng, ai muốn có việc làm, cách mạng tạo cho việc làm, ai muốn tham gia công tác cách mạng, sẽ được cách mạng giao cho công tác thích hợp”¹. Đặc biệt, từ ngày 6 - 4 đến ngày 7 - 4 - 1975, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Nhân dân tỉnh Quảng Nam, Đặc khu Quảng Đà vinh dự được đón Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ về thăm và làm việc. Chủ tịch đã biểu dương chiến công của 2 địa phương, đồng thời đề nghị 2 địa phương làm tốt công tác ổn định mọi mặt đời sống Nhân dân, giữ vững trị an; động viên sức người, sức của góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước và tham dự cuộc mít tinh của hàng vạn quần chúng Đà Nẵng tại sân vận động Chi Lăng².

Thực hiện chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc theo tư tưởng nhân văn của Bác Hồ: *“Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài... Trong mấy chục triệu người cũng có người thế này, người thế khác, nhưng đều thuộc dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại lượng. Ta phải nhận thấy rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lầm đường, ta phải lấy tình thân ái cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”*, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà

1. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, trang 1103.

2. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005, trang 14.

tích cực phối hợp với chính quyền cách mạng vận động sĩ quan, binh lính, công chức, viên chức, nhân viên của chính quyền Sài Gòn, đảng viên của các đảng phái phản động ra trình diện và giao nộp vũ khí, tài liệu để hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng. Kết quả đã tổ chức đăng ký, quản lý 173.834 đối tượng; tập trung cải tạo 8.595 đối tượng, trong đó có 4.129 sĩ quan do Quân khu 5 quản lý, 4.466 nhân viên, cảnh sát và đảng phái phản động do cơ quan an ninh quản lý, 8.307 đối tượng là hạ sĩ quan, nhân viên do cấp quận, huyện, xã, phường quản lý. Các lực lượng vũ trang tổ chức truy quét số ngoan cố không ra trình diện, kịp thời trấn áp bọn phản động dùng chất nổ mưu sát cán bộ, phá hoại các cơ sở kinh tế; một số phần tử cơ hội, lợi dụng các hoạt động tôn giáo, tuyên truyền những luận điệu sai trái, gây ảnh hưởng không tốt trong nội bộ Nhân dân ở một số nơi như Hòa Vang, Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn, Tam Kỳ...; thành lập lực lượng An ninh vũ trang Biên phòng, các đồn, trạm an ninh vũ trang vùng biên giới, bờ biển, cửa khẩu, cảng biển, sân bay để ngăn chặn các hoạt động phản cách mạng và các phần tử bất mãn tìm cách vượt biên, vượt biển ra nước ngoài; nhanh chóng thu hồi, bảo quản, khai thác hồ sơ tài liệu do địch để lại, phục vụ cho công tác đấu tranh lâu dài, chống lại các thế lực phản động, thù địch. Đồng thời, tổ chức thu gom, quản lý số vũ khí của địch, tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà đã thu 63.616 khẩu súng các loại, trong đó có 35 khẩu pháo 105 mm, 8 khẩu 155 mm, hàng trăm cối 81 mm, 60 mm; 12.225 tấn đạn; hàng chục máy bay, tàu chiến, quân xa và nhiều quân trang, quân dụng của quân đội và chính quyền Sài Gòn để lại¹.

1. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, Nxb. Đà Nẵng, trang 13 - 14.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà còn phối hợp với chính quyền cách mạng tiến hành vận động, huy động hàng ngàn lượt phương tiện giao thông đưa gần 100.000 dân của các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế về lại nguyên quán; đưa hơn 70 vạn dân vùng nông thôn trong tỉnh bị địch trấn áp đưa vào thành phố, thị xã, khu dồn về lại làng cũ; hỗ trợ mỗi hộ 20 tấm tôn, 20 kg lương thực đối với mỗi sào đất mà người lao động khai hoang, phục hóa và có chính sách 5 năm không thu thuế trên đất khai hoang. Theo thống kê, dân số Quảng Nam lúc mới giải phóng có 947.900 người, trong đó có 892.700 người sống ở nông thôn¹, lao động nông nghiệp chiếm đa số và chưa được đào tạo về nghề nghiệp, cuộc sống của người dân rất kham khổ, sản xuất đình đốn, không có công ăn việc làm; giáo dục - đào tạo, y tế kém phát triển; các tệ nạn xã hội còn tràn lan.

Ngay sau khi Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, non sông thu về một mối, Ủy ban nhân dân cách mạng khu Trung Trung bộ thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Nam do ông Võ Quỳnh (Võ Văn Đoàn) làm Chủ tịch, Ủy ban nhân dân cách mạng Đặc khu Quảng Đà do ông Phạm Đức Nam làm Chủ tịch. Để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong tình hình mới, tháng 5 - 1975, Tỉnh uỷ Quảng Nam và Đặc Khu uỷ Quảng Đà đã chỉ đạo giải thể, sáp nhập một số huyện; thị xã; xã, phường. Ở Quảng Nam, giải thể Ban Cán sự khu Nam Trà, huyện Quế Tiên; sáp nhập huyện Nam Trà My và Bắc Trà My thành huyện Trà My; thị xã Tam Kỳ và huyện Bắc Tam Kỳ thành huyện Tam Kỳ; đồng thời sáp nhập 33 xã nhỏ

1. Lý Nhạc, *Thành quả 30 năm đổi mới cơ cấu cây trồng của Quảng Nam*, Tam Kỳ 2006, trang 8.



Các tầng lớp Nhân dân thị xã Tam Kỳ rước ảnh Bác Hồ diễu hành trên các đường phố chào mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng (5/1975)

vào các xã lớn. Qua sáp nhập, tỉnh Quảng Nam còn 7 huyện, thị: Nam Tam Kỳ, Tam Kỳ, Thăng Bình, Quế Sơn, Phước Sơn, Trà My, Tiên Phước với 129 xã, phường. Ở Đặc khu Quảng Đà, hợp nhất các Khu I, II, III thành huyện Hòa Vang, giải thể Ban Cán sự Khu Lam Sơn; sáp nhập huyện Đông Giang và Tây Giang thành huyện Hiên, đổi tên huyện Nam Giang thành huyện Giăng. Đồng thời tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà cũng giải thể một số đơn vị không còn phù hợp với tình hình mới như Ban đấu tranh chính trị, Ban binh vận, Ban miền núi¹.

Ngày 19 - 5 - 1975, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam họp củng cố, kiện toàn gồm 35 vị, do ông Nguyễn Thành - Ủy viên Ban Thường vụ

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 16.

Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận - Mặt trận tiếp tục làm Chủ tịch; các ông/bà: Hồ Thị Kim Thanh, Nguyễn Thành Nhơn, Võ Xuân Sanh, Huỳnh Thắng, Đỗ Viết Can làm Phó Chủ tịch, ông Trần Hải làm Ủy viên Thường trực. Cùng thời gian này, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Đặc khu Quảng Đà cũng tổ chức họp đề cử, kiện toàn gồm 43 vị, do ông Hồ Nghinh - Bí thư Đặc Khu ủy, tiếp tục làm Chủ tịch; ông Phạm Hồng Quang (Trần Văn Tân) - Ủy viên Ban Thường vụ Đặc khu làm Phó Chủ tịch; ông Trương Văn Dũng làm Ủy viên Thường trực.

Cuối tháng 5 - 1975, Ủy ban Quân quản các cấp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, kết thúc hoạt động và tổ chức bàn giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp vừa được thành lập.

Thực hiện Nghị quyết số 245 - NQ/TW, ngày 20 - 9 - 1975 của Bộ Chính trị về việc bỏ khu, hợp nhất tỉnh, ngày 04 - 10 - 1975, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời khu Trung Trung bộ ra Quyết định số 119/QĐ về việc hợp nhất tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng¹.

Ngày 19 - 10 - 1975, Ban Thường vụ Khu ủy V ra Quyết nghị số 01/QN thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sau khi hợp nhất gồm 36 người, do ông Hồ Nghinh - nguyên Bí thư Đặc Khu ủy Quảng Đà làm Bí thư Tỉnh ủy, ông Hoàng Minh Thắng - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng

1. Tháng 11-1975, huyện Tam Kỳ và huyện Nam Tam Kỳ được sáp nhập thành huyện Tam Kỳ. Do đó, sau khi hợp nhất, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng có 16 quận, thị, huyện: Tam Kỳ, Thăng Bình, Quế Sơn, Tiên Phước, Duy Xuyên, Điện Bàn, Đại Lộc, Hoà Vang, Hiên, Giông, Phước Sơn, Trà My; thị xã Hội An; Quận Nhất, Nhì, Ba (3 quận này thuộc Đà Nẵng trước đây); 192 xã, 34 phường.

Nam - Đà Nẵng. Theo đó, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cũng lần lượt được sát nhập theo đơn vị hành chính mới.

Ngày 25 - 10 - 1975, tại Đà Nẵng, dưới sự chủ trì của ông Hồ Nghinh - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà đã tổ chức Hội nghị hợp nhất, cử ra Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh gồm 40 vị, ông Hồ Nghinh - Ủy viên Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Bí thư Tỉnh ủy được cử làm Chủ tịch; các ông Nguyễn Thành, Phạm Hồng Quang được cử làm Phó Chủ tịch.

Để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác Mặt trận trong thời kỳ mới, ngày 29 - 3 - 1976, Bộ Chính trị (khóa IV) ra Nghị quyết số 249-NQ/TW thành lập Ban Dân vận - Mặt trận Trung ương và các tỉnh, thành trong cả nước, nhằm giúp cấp ủy lãnh đạo Mặt trận Dân tộc thống nhất. Ngày 24 - 5 - 1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định về việc thống nhất các đoàn thể nhân dân và các tổ chức Mặt trận trong cả nước. Theo đó, Ban Dân vận - Mặt trận tỉnh lúc này có cơ cấu nhân sự nhất thể hóa với Mặt trận về mặt tổ chức, cán bộ. Ban phân công các ủy viên của Ban phụ trách từng lĩnh vực công tác như Công - Thương vận, Trí thức vận, Tôn giáo vận, Hoa vận... Các đoàn thể nhân dân cách mạng lúc này là tổ chức thành viên của Mặt trận, người đứng đầu các đoàn thể của tỉnh là Ủy viên của Ban Dân vận - Mặt trận. Ban Dân vận - Mặt trận tỉnh được thành lập đã tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận có sự chỉ đạo trực tiếp trong việc quán triệt, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đồng thời theo dõi, nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân phản ánh trực tiếp cho Đảng và Nhà nước.

Từ tháng 2 - 1976, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và các đoàn thể chính trị - xã hội tiến hành tuyên truyền, hiệp thương giới thiệu những người ra ứng cử đại biểu Quốc hội khóa VI (1976-1981), vận động Nhân dân tiến tới cuộc Tổng tuyển cử được triển khai trong phạm vi cả nước. Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử đại biểu Quốc hội khóa VI chung cả nước, thực sự đã trở thành ngày hội đoàn kết, thống nhất non sông của dân tộc Việt Nam. Cùng với cả nước, cử tri trong tỉnh nô nức đi bỏ phiếu. Tổng số cử tri đi bầu đạt tỷ lệ 99,11%, số đại biểu trúng cử tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng là 15 vị, gồm các ông/bà: Vũ Trọng Hoàng (Bốn Hương), Võ Chí Công, Nguyễn Ngọc, Trần Đình Tri, Nguyễn Chơn, Trần Thị Liễu, Trần Văn Mố, Nguyễn Thành Long, Hồ Nghinh, Chu Huy Mân, Nguyễn Văn Ứng, Hồ Thị Lý, Lê Thị Hạnh (Lê Thị Hiếu), Vĩnh Linh và Priu Prăm.

Song song với việc thực hiện chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc; củng cố, kiện toàn công tác tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ chính trị; khuyến khích hàng chục nghìn lao động ở các vùng đông dân, trọng tâm là ở các đô thị như Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ và các huyện đồng bằng ven biển đi xây dựng các vùng kinh tế mới, chủ yếu là vào miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên... Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và đoàn thể các cấp rất chú trọng phối hợp với chính quyền cách mạng tiến hành khôi phục kinh tế, nhanh chóng ổn định cuộc sống mọi mặt cho Nhân dân. Trong các vùng nông thôn mới giải phóng, do hậu quả của những cuộc tàn quét theo chính sách “*tam quang*” (đốt sạch, giết sạch, phá sạch), dòn dân lập vành đai trắng của địch, có đến 927 trong

tổng số 1.118 thôn bị cày ủi trắng, trong đó có 400 thôn, bản bị huỷ diệt hoàn toàn, 185.000 trâu bò bị giết hại, hàng ngàn hécta đất bị bỏ hoang, hầu hết đường sá, đê đập mương máng thủy lợi bị san bằng; nhà cửa, ruộng đồng xác xơ bởi xe ủi, chất độc hóa học, B52 tàn phá; nhân công, nông cụ và sức kéo thiếu nghiêm trọng. Kỹ thuật canh tác hết sức lạc hậu, đời sống Nhân dân thấp kém. Vì vậy, để khôi phục sản xuất nông nghiệp, ta đã tịch thu, trưng thu ruộng đất của địa chủ và Việt gian phản động; đồng thời vận động địa chủ thường hiến điền; chia lại ruộng đất theo nguyên tắc công bằng và hợp lý. Nhờ đó, chỉ trong một thời gian ngắn, ta đã tiến hành phân chia 20.300 hécta ruộng đất cho 14 vạn hộ nông dân không có ruộng đất. Ở những nơi Nhân dân bị địch xúc tát mới trở về thì tiến hành điều hoà lao động, điều chỉnh việc ăn ở; phát động phong trào tháo gỡ bom mìn, khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích canh tác, làm thủy lợi...

Riêng trong công cuộc rà phá bom mìn, dọn sạch đồng ruộng, trong thời gian ngắn đã tháo gỡ 1.130.000 quả bom mìn, san lấp hàng ngàn hố bom, trên 500 người đã hy sinh và trên 3.000 người khác bị thương để làm sạch đất đai. Và trên mặt trận mới này cũng đã xuất hiện những người anh hùng, như xã đội trưởng Huỳnh Tiến Năm (Duy Tân, Duy Xuyên) đã tự tay mình tháo gỡ hàng trăm quả mìn và chỉ huy du kích tháo gỡ hàng nghìn quả khác, ngay cả khi đã bị thương mù cả hai mắt vẫn không chịu rời trận địa, ở lại động viên đồng đội và Nhân dân tiếp tục rà phá bom mìn.

Chiến dịch quy tập mìn đã làm sạch được khá nhiều đất đai, mở rộng diện tích canh tác, qui hoạch lại đồng ruộng. Đến cuối tháng 6 - 1976, toàn tỉnh khai hoang được 2.000 hécta

ruộng, phục hóa gần 70.000 héc ta ruộng đất, đưa diện tích canh tác trong toàn tỉnh lên gấp 2 lần, từ 57.000 héc ta lên 122.000 héc ta¹. Xã Bình Dương (Thăng Bình), hai lần được tuyên dương anh hùng trong chiến tranh, lại trở thành một điển hình tiêu biểu của tỉnh vì thành tích khôi phục những rừng phi lao hàng chục triệu cây trên vùng đất cát từng bị kẻ thù huỷ diệt.

Nhằm giải quyết vấn đề lương thực, đảm bảo đời sống Nhân dân trước mắt và đề phòng nạn đói, tiến đến tự túc hoàn toàn lương thực trong năm 1976. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều địa phương đã vận động Nhân dân cấy hết diện tích lúa Đông Xuân, đẩy mạnh sản xuất rau màu, thực hiện khẩu hiệu “*Tác đất tác rau màu*”, “*Người người trồng rau, nhà nhà trồng rau, rau xanh quanh vườn*”; chuẩn bị đủ nước, phân, giống và làm đất ngay sau khi thu hoạch vụ Đông Xuân; phát triển vụ Xuân Hè, tích cực chuẩn bị các mặt cho vụ Hè Thu, làm tốt công tác thủy lợi; đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm; làm tốt công tác thu mua và phân phối lương thực; vận động phong trào tiết kiệm lương thực.

Trong chiến tranh, bất chấp mọi hiểm nguy, gian khổ, Nhân dân đất Quảng kiên cường trụ bám với tinh thần “*Một tác không đi, một ly không rời*”, sau ngày giải phóng, họ đã tiến hành phong trào khai hoang, phục hóa với tinh thần “*Bắt cỏ dại đầu hàng, dành chỗ cho ngô, khoai, sắn, đậu*”, “*Trái màu xanh cho đất thép thành đồng*”. Nhờ tinh thần đó, sản xuất lương thực năm 1976 đạt 154.386 tấn, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 140 kg/năm². Về cơ bản, bước đầu đã đẩy lùi

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 70.

2. *Thành quả 30 năm đổi mới cơ cấu cây trồng của Quảng Nam*, trang 10 và trang 20.

được nguy cơ của nạn đói và khan hiếm lương thực cho Nhân dân, tạo cơ sở vững chắc cho những năm tiếp theo.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, sau giải phóng nhìn chung ở Quảng Nam không có gì đáng kể. Ngoài các nhà máy điện ở Hội An, Tam Kỳ, Vĩnh Điện với quy mô nhỏ, các cơ sở còn lại đáng kể nhất chỉ có một số ít xí nghiệp tư nhân nhỏ bé như Xưởng in Nam Ngãi, các xưởng sản xuất nước đá ở Hội An, Tam Kỳ, Chu Lai... mỗi cơ sở chỉ giới hạn từ 5 - 10 công nhân. Chính quyền cách mạng tiến hành kiểm kê, khôi phục các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp; giải quyết công ăn, việc làm cho hàng ngàn lao động.

Sau chiến tranh, mặc dù còn bẽ bộn công việc, nhưng dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự vận động tích cực của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể, nhiều phong trào thi đua yêu nước đã được phát động trong công nhân, viên chức. Trong sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp có phong trào thi đua giành “*Ba điểm cao*” (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều); trong khối viên chức hành chính có phong trào thi đua “*Ba cải tiến*” (cải tiến về tổ chức, cải tiến nhiệm vụ công tác và cải tiến lề lối làm việc); ngành giáo dục có phong trào “*Bốn ngọn cờ hồng*” (mỗi giáo viên có một giờ dạy hay, 1 giáo án mẫu, 1 dụng cụ trực quan tốt và một sáng kiến hay); trên các công trường xây dựng có phong trào “*Bốn nhất*” (năng suất cao nhất, chất lượng tốt nhất, tiết kiệm nhất và an toàn nhất¹).

Các phong trào thi đua đã được công nhân, viên chức hưởng ứng tích cực và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam (1929 - 2000)*, trang 167.

Tại Lâm trường Trà My, trong thời gian ngắn, công nhân đã tu sửa, rải đá hàng trăm km đường từ Trà My đi các vùng lân cận và làm mới 20 km đường phục vụ khai thác gỗ. Xí nghiệp cơ khí Hội An, trong đợt chào mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1976, chỉ trong vòng 7 ngày (19 đến 25 - 8), công nhân đã sản xuất được 32 máy tuốt lúa đôi cung cấp cho bà con nông dân. Tại Nhà máy Điện Tam Kỳ có phong trào phấn đấu vượt 10 - 15% sản lượng điện, sửa chữa máy phát điện có công suất 200 ki-lô-oát giờ, phục hồi xe có sức chở 3 tấn, sửa chữa hệ thống điện đường thị xã Tam Kỳ, xây dựng đường dây cao thế 15 ki-lô-vôn từ nhà máy đến ga, cầu Tam Kỳ...

Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội được tiến hành rất khẩn trương. Đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, báo chí được kịp thời sử dụng vào công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động. Các hình thức và nội dung hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật lành mạnh, sinh động lan tỏa khắp mọi nơi, đồng thời với việc nghiêm cấm những hoạt động văn hoá phản động, đồi trụy, bài trừ những tệ nạn xã hội cũ như mê tín, dị đoan, ma túy... Cuộc sống văn hoá mới dần dần được xây dựng. Hệ thống các trường học lần lượt được mở lại. Việc xoá nạn mù chữ được chú trọng. Các địa phương đều phát động phong trào bình dân học vụ, mở các lớp bổ túc văn hoá ở khắp nơi. Ngành y tế được xây dựng đều khắp. Nhiều đội y tế lưu động được phái xuống các thôn, xã tổ chức tiêm phòng, khám chữa bệnh cho Nhân dân, kịp thời dập tắt những ổ dịch. Công tác vệ sinh phòng bệnh, hoạt động thể dục, thể thao cũng được chú ý phát động thành phong trào quần chúng.

Từ ngày 4 đến ngày 6 - 6 - 1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trì hội nghị bàn về công tác Dân vận - Mặt trận, nhằm

đánh giá tình hình công tác kể từ ngày họp nhất Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà. Hội nghị cho rằng, công tác Dân vận - Mặt trận đã đạt một số thành tựu đáng kể, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, song vẫn còn yếu, chưa đáp ứng kịp với phong trào quần chúng, chưa phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng¹. Tháng 7 - 1976, trên địa bàn miền núi Hội Nông dân lao động các huyện cũng được thành lập theo Chỉ thị số 48-CT/TV ngày 12 - 7 - 1976 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhằm tập hợp lứa tuổi nam trung niên vào tổ chức quần chúng, để cùng với Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ làm nòng cốt trong việc xây dựng, phát triển miền núi.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XI (vòng 1) diễn ra từ ngày 10 đến 18 - 11 - 1976 tại Đà Nẵng. Đại hội đã đóng góp ý kiến vào nội dung dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 - 1980 và nhiều ý kiến cụ thể vào nhiệm vụ xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa (XHCN) đối với các tỉnh phía Nam. Đối với Mặt trận và các đoàn thể, Nghị quyết Đại hội xác định phải nhanh chóng kiện toàn tổ chức Mặt trận và các tổ chức đoàn thể quần chúng các cấp, từng bước hoàn thành cơ cấu tổ chức, xây dựng đội ngũ có năng lực trình độ.

Từ ngày 14 đến 20 - 12 - 1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Đảng diễn ra tại Hà Nội. Đây là Đại hội mở đầu thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH), vạch ra đường lối chung của cách mạng XHCN ở nước ta trong giai đoạn mới là “*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền*

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1975 - 2005)*, trang 41.

làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa”¹. Đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ, nguyên tắc xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất trong thời kỳ mới của cách mạng cả nước. Đại hội đã tổng kết những kinh nghiệm phong phú của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; trong đó khẳng định đường lối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất trở thành một trong những nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng. Đại hội đã định ra đường lối, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới cả nước tiến lên CNXH và khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của Mặt trận; đồng thời chỉ ra nội dung, nhiệm vụ của Mặt trận Dân tộc Thống nhất trong thời kỳ mới.

Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: “Ngày nay, Mặt trận Dân tộc thống nhất trong cả nước bao gồm nhiều chính đảng, đoàn thể, giai cấp, tầng lớp khác nhau, lấy liên minh công nông làm cơ sở, do Đảng ta lãnh đạo, mang tính chất yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, mục tiêu chung của mọi thành viên trong Mặt trận là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa”. Mặt trận có nhiệm vụ củng cố khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc anh em, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần làm chủ tập thể xã hội của Nhân dân, động viên toàn dân thi đua xây dựng thành công CNXH ở nước ta. Trên cơ sở đúc kết từ thực tiễn tổ chức, hoạt động của Mặt trận qua các thời kỳ cách mạng, Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ IV xác định “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là hình thức tổ chức nhằm thực hiện sự thống nhất hành động

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, trang 1113.

giữa các đoàn thể thành viên, làm việc theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, hợp tác tương trợ”.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, đại hội thống nhất Tổ quốc, đại hội đưa cả nước tiến lên con đường XHCN. Từ đây trong trái tim của mỗi người Việt Nam, yêu nước gắn liền với yêu CNXH và mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và XHCN trở thành sợi dây kết nối cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Những thành tựu nêu trên của Đảng, chính quyền và Mặt trận các cấp trong những năm đầu sau giải phóng đã đem lại lòng tin cho Nhân dân, nhất là ở những vùng mới giải phóng. Kết quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể về các mặt tuy còn một số hạn chế, nhưng có tác dụng to lớn trong việc sớm ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Chính sự ổn định của xã hội, lòng tin của dân chúng vào chế độ mới là điều kiện căn bản để chúng ta cùng cả nước tiến hành công cuộc xây dựng CNXH theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XI.

2. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ I, động viên toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa (1977 - 1981)

Từ ngày 31 - 01 đến ngày 04 - 02 - 1977, tại Hội trường Thống nhất, thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra Đại hội thống nhất 03 tổ chức Mặt trận của cả nước: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đại hội là sự kiện đoàn tụ của đại gia đình dân tộc Việt Nam, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất suốt mấy chục năm của đồng bào và chiến sĩ cả nước dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội, đại biểu các tầng lớp Nhân dân, các tổ chức, đoàn thể nhiệt liệt hoan nghênh việc thống nhất thành một mặt trận duy nhất lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các đại biểu đã thảo luận sôi nổi về những vấn đề quốc kế, dân sinh thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, góp nhiều ý kiến cụ thể, phong phú nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong giai đoạn mới của cách mạng.

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình hành động gồm 8 điểm¹ và Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dựa trên nguyên tắc: bảo đảm đoàn kết rộng rãi tất cả các lực lượng yêu nước và tán thành CNXH, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và dựa trên cơ sở liên minh công nông; tăng cường thống nhất hành động trong Mặt trận, phát huy vai trò tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc cải tạo XHCN và xây dựng CNXH ở nước ta. Đại hội nhất trí thông qua nghị quyết tán thành Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ra Lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, kiều bào nước ngoài đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, khí phách anh hùng và tinh thần cách mạng tiến công ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Gồm: - Xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN; Xây dựng nền sản xuất lớn XHCN; Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới XHCN; Chăm sóc vật chất và văn hóa của nhân dân; Củng cố quốc phòng - an ninh; Thực hiện dân tộc bình đẳng, nam nữ bình quyền, tôn trọng tự do tín ngưỡng; Tăng cường hữu nghị và hợp tác quốc tế; Đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước và yêu CNXH.

Đại hội đã thống nhất hiệp thương cử 191 vị vào Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng được suy tôn là Chủ tịch danh dự của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông Hoàng Quốc Việt được cử làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có 44 vị ủy viên. Ban Thư ký có 7 vị do ông Nguyễn Văn Tiến làm Tổng Thư ký và ông Vũ Đức làm Phó Tổng Thư ký.

Ngày 8 - 3 - 1977, Ban Bí thư Trung ương (khóa IV) ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường công tác Dân vận và Mặt trận trong tình hình mới. Nêu rõ mục đích đoàn kết toàn dân là động lực phát triển của đất nước và là bản chất của chế độ XHCN. Đồng thời, chỉ đạo các Tỉnh ủy, Thành ủy thành lập và duy trì mô hình Ban Dân vận - Mặt trận; ở cấp huyện mô hình tổ chức, hoạt động là khối Dân vận - Mặt trận, phân công Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện làm Trưởng khối; ở cấp xã có Ủy viên Ban Thường vụ, hoặc cấp ủy viên phụ trách công tác Dân vận - Mặt trận. Như vậy, trong giai đoạn này vừa có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời vẫn duy trì hoạt động của Ban Dân vận - Mặt trận. Tuy về bộ máy, tổ chức là một, song về chức năng, nhiệm vụ thì có khác nhau: Ban Dân vận - Mặt trận là cơ quan tham mưu cho cấp ủy về công tác vận động quần chúng còn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu trong việc tổ chức thực hiện các phong trào hành động cách mạng của quần chúng.

Từ ngày 25 - 4 đến ngày 02 - 5 - 1977, tại Đà Nẵng đã diễn ra Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XI (vòng 2). Đại hội đã xác định phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ đến năm 1980 là: “*Tăng cường sự lãnh đạo và nâng*

cao sức chiến đấu của Đảng bộ, kiện toàn chính quyền các cấp, tiếp tục phát động phong trào cách mạng của quần chúng, chủ yếu là phong trào thi đua lao động sản xuất, cần, kiệm xây dựng CNXH; cơ bản hoàn thành cải tạo XHCN, tạo ra một bước chuyển mới trong việc tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng; tập trung sức đẩy mạnh nông nghiệp để giải quyết cơ bản vấn đề lương thực...”, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, do ông Hồ Nghinh làm Bí thư.

Để thống nhất hình thức tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trong cả nước, thực hiện Thông tri số 2-TT/TW ngày 27 - 12 - 1976 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 15 - 5 - 1977, được chọn là ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tiến hành hiệp thương theo nguyên tắc dân chủ và công bằng nhằm lựa chọn những người có đức đủ tài ra ứng cử, đồng thời vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia bầu cử. Kết quả, Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa I), có 99,35% cử tri tham gia bầu cử và bầu ra 115 vị đại biểu, trong đó có 37 vị là nữ (32,17%) và 10 vị là đại biểu dân tộc thiểu số. Hội đồng nhân dân cấp huyện, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,40%, bầu được 700 đại biểu. Hội đồng nhân dân cấp xã, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt hơn 99%¹.

Nhằm cụ thể hóa đường lối chiến lược đại đoàn kết toàn dân theo Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư, Chương trình chính trị 8 điểm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XI, từ ngày 07 đến ngày 09 -

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, trang 103.



Ông VÕ VĂN ĐẶNG
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Việt Nam tỉnh QN - ĐN
(7/1977 - 7/1981)

7 - 1977, tại Đà Nẵng đã diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ I. Tham dự Đại hội có 240 đại biểu. Đại hội đã đánh giá tình hình công tác của Mặt trận tỉnh trong 2 năm kể từ sau ngày giải phóng; tri ân công lao to lớn của đồng bào, cán bộ và chiến sĩ trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước và những đóng góp to lớn trong giai đoạn hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, giữ vững an ninh

chính trị và trật tự an toàn xã hội; đề ra Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong thời gian đến; Hiệp thương cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (khóa I) gồm 55 vị, ông Võ Văn Đặng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận - Mặt trận được cử làm Chủ tịch; ông Hà Kỳ Ngộ, Giáo sư Vĩnh Linh, bà Trần Thị Tư làm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Sau Đại hội lần thứ I Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tùy theo điều kiện cụ thể, các huyện, thị, thành phố trực thuộc tiến hành tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình. Đặc biệt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng trọng tâm vào việc chuẩn bị tốt nội dung và nhân sự xây dựng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, phường theo đúng tinh thần Chỉ thị số 49/CT-TV ngày 24 - 10 - 1977 của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy. Trên cơ sở kết quả tổ chức Đại hội diễn ở một số đơn vị, sang năm 1978, các xã, phường tiến hành tổ chức Đại hội lựa chọn nhân sự tiêu biểu để hiệp thương thành lập Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở. Đảng ủy cơ sở giới thiệu Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách công tác dân vận - mặt trận để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương cử làm Chủ tịch. Thành công của việc vận động xây dựng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, phường đã góp phần tập hợp, thu hút đa số các tầng lớp Nhân dân tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương.

Trong 2 tháng 7 và 8 - 1977, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cũng lần lượt hoàn thành công tác tổ chức Đại hội, kiện toàn nhân sự và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với tình hình mới. Sang năm 1978, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có thêm một số thành viên mới như Chi hội Hội Nhà báo tỉnh (25 - 2 - 1978), Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất Quảng Nam - Đà Nẵng (19 - 9 - 1978)... Công tác phát triển đoàn viên, hội viên được các đoàn thể hết sức chú trọng, làm cho số lượng tăng lên nhanh chóng, điển hình như Đoàn Thanh niên tỉnh có 20 vạn thanh niên, 30 vạn thiếu nhi; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh có 130.031 hội viên/312.741 phụ nữ toàn tỉnh; Liên hiệp Công đoàn tỉnh có 23.339 đoàn viên, chiếm tỷ lệ 48,8% công nhân, viên chức toàn tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên từ tỉnh đến cơ sở tập trung thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong bối cảnh Nhân dân tỉnh ta vừa đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc khôi phục kinh tế,



Sau ngày quê hương giải phóng, hàng ngàn thanh niên Quảng Nam - Đà Nẵng đăng ký lên đường bảo vệ Tổ quốc

hàn gấn vết thương sau chiến tranh, vừa phải gánh chịu những thiệt hại nặng nề do thiên tai xảy ra liên tiếp trong các năm 1977, 1978, lại phải cùng cả nước đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc. Tuy nhiên, Nhân dân tỉnh nhà đã vượt qua những khó khăn, thực hiện thắng lợi trên nhiều lĩnh vực xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; phát triển kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế...

Về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “*Công tác Mặt trận là công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng*”. Đối với nhân sĩ trí thức và những chức sắc đứng đầu các tôn giáo, tư sản dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với vai trò là sợi dây nối liền rộng rãi các tầng lớp xã hội với Đảng, chính quyền và các đoàn thể, đã

thực hiện sách lược vừa mềm dẻo, vừa kiên quyết. Một mặt động viên khuyến khích, tích cực cảm hóa bằng chính sách hòa hợp dân tộc của Đảng, bằng tinh thần đại đoàn kết vì đại nghĩa dân tộc, không phân biệt lương giáo, thành phần giai cấp, mỗi người đều phải có nghĩa vụ đối với quê hương đất nước, đồng hành với dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng; tập hợp, đoàn kết, vận động tầng lớp tăng lữ và đồng bào có đạo tham gia các hoạt động xã hội và các hoạt động yêu nước, hướng dẫn giáo hội hoạt động theo tôn giáo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mặt khác, kiên quyết đấu tranh với những phần tử phản động, lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để mưu cầu lợi ích cá nhân, móc nối với các phần tử phản động chống lại sự nghiệp cách mạng của toàn dân, đi ngược lại lợi ích dân tộc.

Với phương châm “vừa đoàn kết vừa đấu tranh, đoàn kết để giữ vững mặt trận cách mạng, đấu tranh để đi đến đoàn kết cao hơn. Không thể đoàn kết một chiều, thủ tiêu đấu tranh, cũng không thể đấu tranh vô nguyên tắc để ảnh hưởng đến đoàn kết”¹. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã làm tốt công tác tham mưu cho Tỉnh ủy sử dụng một cách có hiệu quả đội ngũ trí thức của chế độ cũ, hơn 800 người, được đào tạo khá bài bản ở trong và ngoài nước². Chính đội ngũ này cùng với những trí thức từ chiến khu xuống, từ miền bắc vào đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp kiến thiết quê hương sau những năm dài bị chiến tranh tàn phá. Nhiều vị chức sắc tôn giáo, nhân sĩ trí thức đã tham gia vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và có nhiều đóng góp tích cực trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

1. Trích tham luận của ông Tôn Đức Thắng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9-1960).

2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, trang 142.

Về phát triển kinh tế: Trong lĩnh vực công nghiệp, hàng loạt xí nghiệp được gấp rút xây dựng, như Xí nghiệp ươm tơ Giao Thủy, Mỏ than Ngọc Kinh, Xí nghiệp may Tam Kỳ, Nhà máy vôi Đại Hồng, Xí nghiệp gốm Quảng Thanh (Chợ Được), Xí nghiệp gạch ngói Lai Nghi... Mỗi cơ sở sản xuất thu hút hàng trăm công nhân lao động¹. Trên lĩnh vực nông - lâm nghiệp, nhiều cơ sở sản xuất lớn tiếp tục được xây dựng và nhanh chóng đưa vào hoạt động như Lâm trường Sông Bung, Lâm trường Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước, Tam Kỳ và các nông trường như Nông trường Quyết Thắng, Đức Phú, Chiên Đàn..., góp phần quan trọng vào việc thực hiện chính sách dẫn dân, thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống cho Nhân dân.

Nhờ tăng cường nhiều biện pháp khai hoang, thâm canh tăng vụ, sản xuất lương thực năm 1977 tăng hai lần so với năm 1975. Bình quân lương thực đầu người năm 1977 là 230 kg. Riêng lúa, nếu lấy sản lượng năm 1975 làm chuẩn thì năm 1977 tăng gần 14.400 tấn. Về gia súc gia cầm so với năm 1975 thì năm 1977 đàn trâu tăng 1,36 lần, đàn bò tăng 1,23 lần, đàn heo tăng 1,62 lần, đàn gia cầm tăng hơn hai lần, đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cấp bách về lương thực, thực phẩm cho xã hội.

Một sự kiện quan trọng đối với đất và người xứ Quảng là ngày 29 - 3 - 1977, công trình đại thủy nông Phú Ninh, có sức chứa 36.000.000 m³, chủ động tưới cho hàng vạn ha đất nông nghiệp được khởi công. Tham gia xây dựng công trình này, ngoài Trung đoàn bộ đội 977 và các đơn vị thi công chuyên nghiệp, các đội thanh niên xung kích, đội 202, lực lượng các

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam 1929 - 2000*, trang 175.



Các tầng lớp nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia xây dựng hồ Phú Ninh (năm 1978)

huyện, thị và các tầng lớp Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã đóng góp hàng chục vạn ngày công lao động. Đặc biệt, Nhân dân vùng lòng hồ hy sinh tài sản, từ bỏ quê quán, nơi từng gắn bó với họ hàng trăm năm, sẵn sàng đến vùng tái định cư mới để cho công trình được tiến hành đúng tiến độ. Ngoài Phú Ninh, hàng loạt công trình thủy lợi khác như hồ chứa nước Hồ Giang (Quế Sơn), Cao Ngạn (Thăng Bình), Phước Hà (Tiên Phước)..., cũng được khởi công xây dựng trong thời kỳ này, góp phần mở ra phong trào làm ba vụ lúa trong một năm. Nhờ đó, năm 1980, sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 285.426 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 277.790 tấn, ngô đạt 7.636 tấn, chưa kể các loại hoa màu khác¹.

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, Cục Thống kê Quảng Nam, tháng 3 - 2005, trang 92.

Về cải tạo quan hệ sản xuất: Tiếp sau cuộc đấu tranh nhằm xoá bỏ bộ phận tư sản mại bản ở các đô thị, bắt đầu được triển khai từ cuối năm 1975 đến giữa năm 1976, là công tác cải tạo XHCN đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Và, từ đầu năm 1978, tiến hành cùng lúc trên qui mô toàn tỉnh, theo phương châm cải tạo kết hợp với xây dựng và tổ chức lại sản xuất. Kết quả là đến giữa năm 1979, chúng ta đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ chuyển các cơ sở tư bản tư doanh trong các ngành công nghiệp, thương nghiệp, vận tải, xây dựng và dịch vụ quan trọng thành các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh; đồng thời sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đó theo qui hoạch từng ngành.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, tiền tệ: Các công ty, cửa hàng quốc doanh đã từng bước vươn lên quản lý thị trường, ngay cả những thị trường ở các vùng sâu, vùng xa. Để đáp ứng kịp thời nhu cầu của cán bộ, công nhân viên, các lực lượng vũ trang cũng như các tầng lớp Nhân dân. Cán bộ, nhân viên của ngành đã không quản ngại khó khăn, ngày đêm lặn lội thu mua, tổ chức phân phối vật tư hàng hoá phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống và quốc phòng. Từ trong phong trào, đã xuất hiện nhiều đơn vị tiêu biểu như Cửa hàng Lương thực Tắc Pô huyện Trà My (nay là Nam Trà My), Cửa hàng Lương thực Cây Sanh ở Tam Kỳ, Trạm Kinh doanh hàng xuất khẩu Hội An..., đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Tháng 5 - 1978, thực hiện chủ trương của Chính phủ về thu đổi tiền để thống nhất lưu thông tiền tệ trong cả nước, ở Quảng Nam - Đà Nẵng, đã thành lập 1.048 bàn đổi tiền và vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt chủ trương này, góp phần thắng lợi vào công tác thu đổi tiền trong cả nước.

Đại bộ phận nông dân toàn tỉnh được hướng dẫn tham gia các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, từ các tổ vòng công, đổi công, đoàn kết tương trợ trong sản xuất hình thành từ những năm chiến tranh được tiếp tục mở rộng ở tất cả các xã nhằm giúp đỡ nhau giữa các hộ nông dân trong sản xuất, ổn định đời sống. Tính đến năm 1977, đã có 5.044 tổ đổi công, với 84,4 % số hộ nông dân đi vào hoạt động. Qua đó đã đào tạo, bồi dưỡng được 17.648 cán bộ tại các trường quản lý hợp tác xã để chuẩn bị cho việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Cùng thời gian này, tiến hành xây dựng thí điểm 3 hợp tác xã: Duy Phước (Duy Xuyên), Bình Lãnh (Thăng Bình), Hòa Tiến (Hòa Vang) đã thu hút gần 100% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Cả tỉnh cũng xây dựng được 4.424 tổ sản xuất, thu hút 257.877 lao động, 476.468 nhân khẩu nông nghiệp, chiếm tỷ lệ 79,5 %¹.

Sang năm 1978, Trung ương có chủ trương mở rộng xây dựng tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, xuất phát từ những điều kiện cụ thể của tỉnh ta, mô hình nông đoàn sản xuất từng được xây dựng ở địa bàn miền núi trong kháng chiến chống Pháp đã tỏ ra không phù hợp. Vì thế, Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng đã có ý kiến và được Trung ương nhất trí cho phép chuyển đổi từ tổ vòng, đổi công từng vụ, việc lên hình thức tổ chức sản xuất có định mức khoán việc trong một số khâu sản xuất chủ yếu như làm đất, cấy, thu hoạch mùa vụ..., nhằm mục đích tập dượt cho nông dân làm quen dần với con đường làm ăn tập thể; tạo tiền đề vật chất cho việc mở rộng mô hình hợp tác xã nông nghiệp, tiến tới xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao.

1. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam 1930 - 2005*, trang 248 - 250.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phối hợp với chính quyền ở các địa phương đã tiếp tục thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh ruộng đất. Đến cuối năm 1978, có thể nói các hình thức bóc lột của giai cấp địa chủ hoàn toàn bị xóa bỏ, phần lớn ruộng đất về tay nông dân. Các hình thức hợp tác lao động như các tổ đổi công, vòng công và xây dựng hợp tác xã thí điểm được tiến hành. Đến cuối năm 1979, toàn tỉnh hoàn thành cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp, đưa trên 80 % số hộ nông dân với trên 70 % diện tích ruộng đất vào làm ăn trong các hợp tác xã nông nghiệp. Khí thế sản xuất trong nông nghiệp sôi nổi, năng suất và sản lượng lương thực tăng lên nhiều, đời sống Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trong đó, các hợp tác xã nông nghiệp Duy Phước (Duy Xuyên), Đại Phước (Đại Lộc)..., đã trở thành con chim đầu đàn không những của tỉnh, mà của cả khu vực trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Về văn hoá, giáo dục, y tế: Ngành giáo dục mẫu giáo, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp phát triển mạnh. Chỉ tính riêng trong năm học 1979 - 1980, cả tỉnh có 25.874 học sinh mẫu giáo, 174.313 học sinh tiểu học, 55.660 học sinh bậc trung học cơ sở và 9.870 học sinh bậc trung học phổ thông. Đặc biệt, trong những vùng mới giải phóng, phong trào bình dân học vụ đã thu hút hàng nghìn người tham gia. Mạng lưới các bệnh viện, phòng khám bệnh, trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở điều dưỡng được mở rộng. Tính đến đầu năm 1980, cả tỉnh có 1.860 giường bệnh với 1.245 cán bộ y tế¹. Các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ, gây thành phong trào quần chúng trong các địa phương, xí nghiệp, trường học. Hoạt

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 191-193.

động của các ngành văn học, nghệ thuật, thông tin, báo chí, xuất bản đã phản ánh kịp thời nhiệm vụ chính trị, làm sáng tỏ quan điểm, đường lối của Đảng, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội. Đặc biệt, so với một số nơi ở miền Nam, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với việc xóa bỏ tàn tích văn hóa cũ luôn được Tỉnh ủy, đặc biệt là Bí thư Hồ Nghinh quan tâm chỉ đạo thực hiện một cách có chọn lọc, tuân thủ quan điểm phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa. Nhờ đó đã bảo vệ được nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng, trong đó có khu đền tháp Mỹ Sơn, đô thị cổ Hội An, Cổ viện Chăm Đà Nẵng, Hải Vân Quan, Ngũ Hành Sơn...

Về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp đã bám sát địa bàn, lấy cuộc vận động định canh, định cư làm nhiệm vụ trung tâm theo đúng Nghị quyết số 09/NQ-TV ngày 12 - 11 - 1977 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng miền núi*”; tổ chức lại nền sản xuất theo hướng lâm, nông, công nghiệp kết hợp; phát triển giao thông, vận tải, thương nghiệp, y tế tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo bồi dưỡng cán bộ; vận động để đưa một bộ phận đồng bào miền xuôi, nhất là ở những địa bàn có mật độ dân số đông lên miền núi định cư, tạo điều kiện thuận lợi trong khai thác thế mạnh của miền núi, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách chênh lệch kinh tế - xã hội giữa đồng bằng và miền núi.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, trong quá trình tiến hành cải tạo XHCN ở miền Nam nói chung, Quảng Nam - Đà Nẵng nói riêng trong những năm đầu mới giải phóng, tình hình diễn biến khá phức tạp. Tâm tư tình cảm của các tầng lớp Nhân dân về thực hiện chủ trương xã hội hóa tư liệu sản xuất đã động chạm đến quyền lợi của các tầng lớp Nhân dân. Quá trình thực

hiện có những thiếu sót khuyết điểm trong việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; sự suy thoái nội bộ, cơ chế tổ chức lỏng lẻo, quan liêu, trì trệ. Việc hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ và tổ chức lại đời sống xã hội sau chiến tranh gặp nhiều khó khăn lúng túng, vướng mắc cơ chế, cộng thêm cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam làm cho tình hình vốn đã khó khăn lại càng khó khăn, dẫn đến các tầng lớp Nhân dân đều boăn khoăn, lo lắng, không ít người tỏ ra thiếu lòng tin vào chế độ mới¹. Trong khi đó, so với thời kỳ trước giải phóng, thì sau chiến tranh “*tiếng nói và vai trò của Mặt trận có ảnh hưởng vô cùng giới hạn*”². Ngay cả báo cáo của Ban Bí thư Trung ương Đảng năm 1978 cũng nhận định: “*Sự bóc lột phong kiến bị xóa bỏ; tuy nhiên một số nơi còn tàn dư bóc lột phong kiến, địa chủ và còn tồn tại khá nhiều hình thức bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn. Tầng lớp này có nhiều phản ứng tiêu cực với việc thi hành chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và cũng là trở ngại lớn nhất với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất và đời sống ở nông thôn*”³.

Riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, lợi dụng những khó khăn về kinh tế - xã hội sau chiến tranh, các thế lực phản động trong và ngoài nước tiến hành lôi kéo các thành phần bất mãn trong các tôn giáo; binh lính, sĩ quan, nhân viên của chế độ cũ; đảng viên các đảng phái phản động không chịu cải tạo tổ chức vượt biên trốn ra nước ngoài. Năm 1977 xảy ra 43 vụ vượt biên, gấp 7 lần so với năm 1976; 4.021 vụ phạm

1. Dẫn lại từ tập sách: *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế (1930 - 2010)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 11 - 2010, trang 382.

2. Nguyễn Thị Bình, Hồi ký, Nxb. Tri Thức, 2012, trang 189.

3. Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), Nxb. CTQG, trang 139.

pháp so với 2.983 vụ của năm 1976; 9 vụ rải truyền đơn, 20 vụ tờ rơi, 11 vụ viết khẩu hiệu và 2 vụ dán áp phích đá kích chế độ, xúc phạm lãnh tụ và Đảng, kêu gọi thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự. Cạnh đó, từ tháng 6 - 1978 lại xảy ra “*vấn đề người Hoa*”, do trong thời gian này quan hệ Việt Nam - Trung Quốc không bình thường, lại bị các thế lực bên ngoài xúi giục, nên một bộ phận người Hoa ở Hội An, Đà Nẵng, Tam Kỳ và một số thị trấn, thị tứ đã kéo nhau về nước, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự.

Trước sự diễn biến phức tạp của tình hình ảnh hưởng đến tư tưởng trong các tầng lớp Nhân dân, nhất là trong bối cảnh bọn phản động Pôn-pốt - Iêng-xa-ry gây chiến tranh ở biên giới Tây Nam. Từ ngày 28 đến 30 - 8 - 1978, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội nghị lần thứ 3 để bàn về nhiệm vụ trước mắt của đất nước. Nghị quyết nêu rõ: “*Trước tình hình mới, hoạt động của Ủy ban Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên cần tập trung vào việc tăng cường, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ tập thể tạo ra động lực cách mạng mạnh mẽ, phát triển kinh tế, văn hóa, tổ chức đời sống để chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu thắng lợi, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, tiết kiệm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường đoàn kết, hữu nghị hợp tác quốc tế củng cố và mở rộng mặt trận Nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam.*”

Nghị quyết nhấn mạnh: “*Tình hình hiện nay đòi hỏi Nhân dân ta gánh vác sứ mệnh lịch sử mới, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*

vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH hãy ra sức tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác vững bước tiến lên, hăng hái và dũng cảm, bình tĩnh, thông minh và sáng tạo, vượt qua mọi thử thách, quyết giành thắng lợi rực rỡ trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của Nhân dân ta”¹.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện trong bối cảnh cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam chưa kết thúc, thì ngày 17 - 2 - 1979, giới cầm quyền Bắc Kinh (Trung Quốc) chính thức phát động cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc với Việt Nam, gây ra nhiều tội ác man rợ với đồng bào ta tại 6 tỉnh biên giới từ Quảng Ninh cho đến Lai Châu, lại làm cho vấn đề an ninh trật tự, diễn biến tư tưởng của các tầng lớp Nhân dân càng trở nên phức tạp hơn. Vì vậy, một mặt các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia các phong trào thi đua xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức trong các tầng lớp Nhân dân về âm mưu và thủ đoạn của các thế lực phản động trong và ngoài nước; kịp thời phát hiện giúp các ngành chức năng phá vỡ một số tổ chức phản động mới nhen nhóm, như nhóm “*Thanh niên vùng dậy*”, tổ chức “*Mặt trận hồi quốc phản cộng sản*” ở Duy Xuyên và một số nơi; các tổ chức phản động như “*Việt Nam dân tộc cách mạng Đảng*” trên địa bàn Đà Nẵng, Hòa Vang, Đại Lộc, Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên; “*Đoàn Thanh niên phục quốc*”,

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 138.

“*Trung đoàn 43 phục quốc*” tại Tam Kỳ; bắt và xử lý 1.945 vụ vi phạm an ninh trật tự, tổ chức vượt biên trái phép; trong đó năm 1978 có 159 vụ vượt biên, sang năm 1979 tăng lên 194 vụ, có 2 vụ giết người cướp tàu để vượt biên, đáng chú ý là một số cán bộ tại các trạm kiểm soát bến bãi bị bọn chúng mua chuộc, thậm chí một số cán bộ, bộ đội, tự vệ cũng tham gia vượt biên. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác, năm 1979 ta đã ngăn chặn được 127 vụ, với 1.264 người vượt biên. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp tích cực tuyên truyền, giải thích cho cộng đồng người Hoa, nhất là ở những nơi có nhiều người Hoa sinh sống hiểu rõ chính sách của Đảng và Nhà nước ta, động viên, giúp đỡ bà con người Hoa yên tâm ở lại Việt Nam sinh sống và làm việc. Đối với những người Hoa có nguyện vọng về nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với chính quyền chủ động giải quyết theo quy định của pháp luật. Do thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, vấn đề người Hoa được giải quyết hợp tình, hợp lý, không gây biến động lớn đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Từ ngày 12 đến ngày 15 - 12 - 1979, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XII họp tại Đà Nẵng¹. Đại hội đã đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ XI, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới, trong đó tiếp tục quán triệt nghị quyết Đại hội IV của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống kinh tế, văn hoá xã hội trong Nhân dân, góp

1. Tham dự Đại hội có 495 đại biểu đại diện cho 25.719 đảng viên của Đảng bộ. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới gồm 44 uỷ viên, ông Hồ Nghinh tiếp tục được cử giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ.

phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với các đoàn thể đẩy mạnh các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng như: “Phong trào thi đua tăng năng suất lao động”, “Phong trào ngày làm việc 10 giờ vì thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội”, “Người phụ nữ mới xây dựng đất nước”, “Công tác thanh vận và chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh”, “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác xây dựng Hội Nông dân tập thể”, “Tổ chức học tập quán triệt chính sách dân tộc của Đảng, đẩy mạnh xây dựng miền núi phát triển toàn diện”, “Phong trào tình nguyện thực hiện Lệnh Tổng động viên, tham gia quân đội bảo vệ Tổ quốc”, “Phong trào đóng quỹ nuôi quân và đảm phụ nông nghiệp”, “Phong trào thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội”..., đã tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Công tác tổ chức của các đoàn thể cũng tiếp tục được củng cố, kiện toàn, một số tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có số lượng hội viên, đoàn viên khá đông đảo, điển hình như Đoàn Thanh niên năm 1978 phát triển được 12.900 đoàn viên, năm 1979 phát triển mới 16.500 đoàn viên, đưa tổng số đoàn viên đến cuối năm 1979 lên 40.350 người, tăng 67% so với năm 1977. Các lực lượng hậu bị của Đoàn đến năm 1979 như Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh có 195.000

đội viên, Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh có 86.000 đội viên¹; Hội Liên hiệp Phụ nữ tính đến năm 1980 có hơn 30 vạn hội viên².

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực của các giai cấp, tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, ở hầu hết mọi lĩnh vực đều đạt những thành tựu quan trọng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã từng bước vận động Nhân dân phát triển lực lượng sản xuất, xác lập quan hệ sản xuất XHCN, chăm lo phát triển văn hóa, xã hội; tăng cường và củng cố quốc phòng - an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; đồng thời xây dựng và phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân, công an nhân dân trong việc bố trí thế trận chiến tranh, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; động viên hàng vạn thanh niên lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đặc biệt sau khi có Nghị quyết số 15/NQ-TV ngày 06/3/1981 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thi hành Chỉ thị số 100/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh, góp phần khuyến khích mạnh mẽ người lao động hăng hái sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là sử dụng giống mới, chủ động tạo thêm nguồn phân bón, tích cực thâm canh... Nhờ đó mà nông nghiệp đến cuối năm 1981 tăng cả về năng suất và sản lượng, toàn tỉnh tự cân đối được lương thực, đồng thời tăng thêm phân lương thực

1. *Lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Nam (1927 - 2011)*, trang 235 - 236.

2. *Lịch sử phong trào Phụ nữ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 344.

đóng góp cho Nhà nước, đời sống nông dân từng bước được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng 7,5% so với năm 1980. Bên cạnh đó, đã xuất hiện nhiều hợp tác xã nông nghiệp đạt năng suất cao, tiêu biểu là Hợp tác xã nông nghiệp Đại Phước (Đại Lộc) đạt năng suất kỷ lục 20 tấn/ha/năm trên toàn bộ diện tích 84 ha canh tác.

Phong trào xây dựng “*Vườn cây, ao cá Bác Hồ*” tiếp tục được phát động rộng rãi trong toàn tỉnh đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần giải quyết vấn đề thực phẩm của Nhân dân, gợi mở cho một số địa phương như Quế Sơn, Tiên Phước, Trà My, Đại Lộc, Điện Bàn..., đẩy lên phong trào cải tạo vườn tạp, trồng cây có năng suất cao, mang lại hiệu quả kinh tế. Tại các huyện miền núi và trung du của tỉnh ta đã tiến hành giao đất, giao rừng, tổ chức lại sản xuất nông lâm nghiệp gắn với việc định canh, định cư, phân bố lại dân cư mới ở nông thôn miền núi, tạo điều kiện cho kinh tế gia đình phát triển, ổn định và cải thiện đời sống nông dân, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn miền núi.

Tại các khu vực thị xã, thị trấn, các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí nhỏ phục vụ nông nghiệp, nông thôn được khuyến khích mở mang. Sản xuất công nghiệp đến năm 1980 đã có bước phát triển, nhất là đã hình thành một số cơ sở tiểu thủ công, công nghiệp quốc doanh nòng cốt về cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, một vài công ty hợp doanh như Xí nghiệp cơ khí Nam Phước (Duy Xuyên), Gạch ngói Nam Sơn (Quế Sơn), Vật liệu xây dựng Điện Bàn, Mộc Hội An, Xí nghiệp Dệt 29 - 3...

II. MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1981 - 1986)

1. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng lần thứ II; vận động Nhân dân khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng toàn dân; từng bước xây dựng con người mới XHCN (1981 - 1984)

Từ ngày 18 đến ngày 19 - 3 - 1981, tại Đà Nẵng diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ II. Về dự và chỉ đạo Đại hội có ông Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các vị trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đại hội đã tổng kết, đánh giá công tác nhiệm kỳ I (1977 - 1981) và bàn phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ II (1981 - 1984), thông qua Chương trình Đại hội với nhiều nội dung quan trọng: Vận động Nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể, xây dựng và củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh. Động viên thi đua sản xuất, tiết kiệm, hoàn thành kế hoạch Nhà nước, chăm lo đời sống Nhân dân. Tăng cường quốc phòng toàn dân, đẩy mạnh phòng thủ, sẵn sàng đánh thắng các kiểu chiến tranh phá hoại của địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát triển mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng, xây dựng đời sống văn hóa mới, con người mới XHCN; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng, văn hóa; tăng cường đoàn kết hữu nghị với Nhân dân thế giới, góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ hòa bình.



Ông **NGÔ XUÂN HẠ**
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Việt Nam tỉnh QN - ĐN
(7/1981 - 10/1991)

Vĩnh Linh, ông Phạm Hồng Quang, ông Lê Chuẩn, ông Lê Công Cơ và bà Trần Thị Tư làm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 93-QĐ/TW ngày 17 - 3 - 1981 của Ban Bí thư Trung ương (khóa IV) về việc giải thể Ban Dân vận - Mặt trận ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, để thành lập Ban Dân vận và Đảng đoàn Mặt trận do Phó Bí thư Thường trực hoặc Ủy viên Ban Thường vụ làm Trưởng ban. Ở các huyện, quận, thị, phường, xã không thành lập Ban Dân vận, chỉ phân công Phó Bí thư Thường trực hoặc Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách công tác dân vận. Ngày 04 - 7 - 1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 27/QĐ-TV “Về việc thành lập Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà

Năng”. Theo đó, Tỉnh ủy cử ông Võ Văn Đăng làm Trưởng Ban Dân vận, kiêm Bí thư Đảng đoàn Mặt trận, điều động ông Ngô Xuân Hạ - Tỉnh ủy viên về làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Đến cuối năm 1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công ông Ngô Xuân Hạ kiêm chức vụ Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, Bí thư Đảng đoàn Mặt trận thay cho ông Võ Văn Đăng nghỉ hưu theo chế độ.

Ngay sau Đại hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, hiệp thương và tham khảo ý kiến của tập thể Nhân dân lao động, giới thiệu danh sách những người ra ứng cử đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II, cùng với các cơ quan chính quyền tổ chức việc bầu cử theo đúng quy định. Nhờ làm tốt công tác phối hợp tuyên truyền và vận động, ngày 26 - 4 - 1981, cử tri toàn tỉnh đã đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII, nhiệm kỳ 1981 - 1987 và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II, nhiệm kỳ 1981 - 1985 thành công tốt đẹp. Có 15 đại biểu trúng cử đại biểu Quốc hội khóa VII, gồm các ông/bà: Nguyễn Thị Bình, Đào Hồng Cẩm, Trần Văn Đông, Đoàn Khuê, Phạm Đình Kiên, Prieu Prăm, Hà Thị Thu Sương, Nguyễn Phước Thiện, Trần Văn An, Nguyễn Tấn Bình, Võ Chí Công, Mai Hữu Khuê, Trần Văn Mô, Hồ Thị Kim Thanh, Hoàng Minh Thắng.

Tiếp theo thắng lợi của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức triển khai hướng dẫn một số điểm về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, do Ban Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam soạn thảo (15 - 6 - 1981). Theo đó, nội dung, nhiệm

vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ yếu tham gia giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và thực hiện tốt sự phối hợp, thống nhất hành động giữa các thành viên và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan để triển khai các phong trào hành động cách mạng của các tầng lớp Nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, trực tiếp vận động một số đối tượng dân tộc, tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đồng thời phối hợp với các ngành, các cấp phát động các phong trào thi đua yêu nước, chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (27 đến 31 - 3 - 1982), Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIII (3 đến 4 - 2 - 1983).

Thực hiện Chỉ thị số 17- CT/TW ngày 18 - 4 - 1983 của Ban Bí thư “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới*” và Đề án củng cố tổ chức, đẩy mạnh công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, quận, thị xã và thành phố thuộc tỉnh của Ban Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (10 - 2 - 1984). Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các địa phương tổ chức hội nghị quán triệt, xác định đúng vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được thể chế hóa trong Điều 9 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980. Theo đó, trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị rộng lớn bao gồm các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng, các dân tộc, các tôn giáo và các nhân sĩ yêu nước, đại diện chung cho quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, là sợi dây

nối liền các tầng lớp xã hội với Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong Nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, giáo dục và động viên Nhân dân đề cao ý thức làm chủ tập thể, ra sức thi đua xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIII cũng xác định: Thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong thời gian tới, các cấp ủy đảng cần lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt những chức năng chính: Truyền truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp Nhân dân; phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng, góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; phản ánh nguyện vọng, ý kiến của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước, đề xuất và góp phần với Đảng và Nhà nước xây dựng luật pháp và chính sách có liên quan đến các tầng lớp Nhân dân; cùng các đoàn thể thành viên tổ chức thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan Nhà nước; các cấp ủy đảng cần lãnh đạo hướng công tác Mặt trận về cơ sở (xã, phường), nhằm đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng từ cơ sở và tạo ra cuộc sống mới ở khu dân cư bằng những hình thức và phương pháp linh hoạt, thích hợp với đặc điểm, điều kiện từng nơi; các cấp ủy

Đảng cần làm cho cán bộ, đảng viên các ngành, chính quyền, các đoàn thể quần chúng nhận rõ tầm quan trọng của công tác Mặt trận trong giai đoạn hiện nay, uốn nắn những quan điểm, nhận thức không đúng về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đặc biệt, Đại hội toàn quốc lần thứ II của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam diễn ra từ ngày 12 đến ngày 14 - 5 - 1983 tại Hà Nội, đã đi sâu tập trung thảo luận làm rõ 3 vấn đề cơ bản có quan hệ đến chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đó là vấn đề tăng cường quan hệ với chính quyền các cấp, phối hợp thống nhất hành động giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên và với chính quyền, vấn đề Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở. Đại hội cũng thảo luận, thông qua Chương trình hành động, Điều lệ sửa đổi và Lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần đoàn kết chặt chẽ hơn nữa trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược và các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ II, cũng như nghị quyết của các đoàn thể, gắn với việc vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIII, trong đó tập trung thực hiện những chủ trương lớn để khôi phục và phát triển kinh tế của tỉnh như vận động Nhân dân vào con đường làm ăn tập thể, thực hiện “*khoán hộ*”, nhất là việc thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13 - 01 - 1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở

rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; làm thủy lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp; phát triển lâm nghiệp, phát triển miền núi, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; về xuất, nhập khẩu...; xây dựng và phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân, công an nhân dân trong việc bố trí thế trận chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Động viên hàng vạn thanh niên lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và làm tốt công tác đối ngoại bước đầu đã đạt được những kết quả có ý nghĩa.

Về phong trào nông dân và sản xuất nông lâm ngư nghiệp: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp đã làm tốt công tác đề xuất với Tỉnh ủy tạo điều kiện cho hệ thống hợp tác xã trong tỉnh đi vào hoạt động một cách hiệu quả, thông qua việc ban hành nhiều quyết sách mang tính đột phá như: Giữ nguyên canh đất vườn của mỗi hộ xã viên, vì diện tích đất vườn của mỗi hộ xã viên trong tỉnh nhìn chung không lớn. Các xã có đất cát, độ phì nhiêu kém, thì chưa đưa ngay vào hợp tác xã nông nghiệp, chỉ đưa trâu, bò cày vào hợp tác xã. Trâu ghé, bò thối vẫn để cho hộ xã viên nuôi. Định giá tư liệu sản xuất khi hợp tác hóa không thấp hơn 85% so với giá thị trường tự do, để nông dân khỏi bán chạy tài sản khi vào hợp tác xã. Bán và khuyến khích hợp tác xã mua các loại máy móc, trang thiết bị cơ giới hóa. Năm 1982, Nhà nước bán 50 máy kéo loại lớn cho hợp tác xã, nâng tổng số máy kéo lớn trong các hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh lên 120 chiếc, trung bình 2 hợp tác xã thì có 1 chiếc. Nhiều hợp tác xã tự mua ô tô, toàn tỉnh có 80 chiếc, trung bình 3 hợp tác xã có 1 chiếc ô tô. Toàn tỉnh có hơn 10 trạm bơm điện do hợp tác xã tự xây dựng. Đó là những chủ trương đúng đắn và sáng tạo, hợp lòng dân, giúp

dân yên tâm sản xuất, đồng thời là một biện pháp để bảo vệ lực lượng sản xuất.

Tuy nhiên, trong quá trình vận động Nhân dân đi vào con đường làm ăn tập thể, nhiều địa phương đã chủ quan, nóng vội thực hiện hợp tác xã một cách ào ạt, không chú ý đến điều kiện thực tế và thậm chí vi phạm nguyên tắc tự nguyện, nên một bộ phận Nhân dân không đồng tình ủng hộ. Năng suất lao động thấp, sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu lương thực của xã hội, các nguồn tài nguyên như đất đai, sông ngòi, rừng núi, biển cả chưa được khai thác tốt để phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Lắng nghe cuộc sống, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp gặp gỡ, tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của Nhân dân, kịp thời đề xuất với Đảng và chính quyền các cấp phát huy những cách làm mới, mang tính sáng tạo và nhất là phù hợp với lòng dân. Những ý kiến, kiến nghị, đề xuất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn được những người đứng đầu tỉnh tiếp thu, qua đó hoạch định các chủ trương, đường lối linh hoạt, phù hợp với thực tiễn, kiên quyết bãi bỏ những loại hợp tác xã không đem lại lợi ích gì cho người dân và Nhà nước, như các hợp tác xã nghề cá ở khắp Quảng Nam - Đà Nẵng lúc bấy giờ. Ngay cả việc thực hiện khoán hộ theo Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 6 - 3 - 1981 xác định: Đề thúc đẩy sản xuất, cần giải quyết tốt và hợp lý 3 lợi ích (người lao động, hợp tác xã và Nhà nước), khuyến khích mạnh mẽ lợi ích chính đáng của người lao động, động viên mọi người thật sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng; chỉ đạo cải tiến, hoàn chỉnh chế độ “3 khoán” của hợp tác xã đối với đội sản xuất, đó là khoán chi phí

sản xuất, khoán công điền, khoán sản phẩm. Trong đó quan trọng nhất vẫn là việc xác định mức khoán hợp lý và ngăn ngừa tình trạng “*khoán trắng*”, “*khoán chui*” trong một số hợp tác xã.

Phấn khởi trước cơ chế mới, người dân bắt đầu tự nguyện khai hoang, đầu tư, thâm canh tăng vụ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, liên tục gặt hái nhiều thành tựu. Tổng diện tích trồng lúa và các loại cây công nghiệp ngăn ngày tăng lên từng năm, sản xuất lương thực tăng bình quân hằng năm 16,4%, có nhiều hợp tác xã đạt được sản lượng từ 10 - 14 tấn/ha. Riêng hợp tác xã nông nghiệp Đại Phước (Đại Lộc) đạt sản lượng 20 tấn/ha, toàn tỉnh đạt năng suất bình quân 7,5 tấn/ha trên chân ruộng lúa 2 đến 3 vụ, cơ bản đảm bảo được nhu cầu lương thực trong tỉnh, được Trung ương đánh giá cao. Hai năm liền (1983, 1984), Quảng Nam - Đà Nẵng được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tặng “*Cờ dẫn đầu thi đua cả nước*”¹.

Xuất phát từ điều kiện thực tế của Quảng Nam lúc bấy giờ là địa bàn có nguồn nước phong phú, đất đai phì nhiêu, nhưng thường xuyên bị thiên tai: Lũ lụt, úng ngập, chua mặn, khô hạn xảy ra triền miên. Mặc dù có nguồn thủy năng phong phú, nhưng chưa được khai thác hợp lý: Tình trạng thiếu nước trầm trọng luôn xảy ra đối với sản xuất công, nông nghiệp, kể cả nước sinh hoạt của người dân và chăn nuôi gia súc.... Để giải quyết vấn đề cốt lõi đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh có ý nghĩa và lợi ích rất to lớn. Tuy nhiên, để di dời hàng ngàn hộ dân phục vụ xây dựng công trình thì rất khó khăn. Bởi trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt, chính vùng đất này là nơi che

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 141.

chở, nuôi giấu cán bộ cách mạng. Địch đánh phá ác liệt nhưng Nhân dân vẫn kiên cường bám trụ, với tinh thần “*một tác không đi, một ly không rời*”. Hòa bình lập lại, Nhân dân đang ra sức khai hoang, phục hóa, tháo gỡ bom mìn, dọn vườn, làm nhà, cuộc sống đang từng ngày phục hồi thì nay lại phải tiếp tục di dời đến một vùng đất mới với muôn vàn khó khăn phía trước, đó là cả một sự hy sinh to lớn của Nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương.

Với khẩu hiệu “*Tất cả để xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh*”, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tập trung công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, với phương châm tiến hành vận động từng bước, từng đợt, từng xã, từng thôn, từng gia đình, từng người. Phân công cán bộ xuống tận công trường để gặp gỡ, trao đổi, động viên, thuyết phục bà con ủng hộ chủ trương của tỉnh. Phát huy truyền thống cách mạng và vì sự phát triển của quê hương, hàng ngàn hộ dân với gần hàng chục ngàn nhân khẩu trong vùng lòng hồ thuộc các xã Tam Sơn, Tam Lãnh, Tam Thái, Tam Dân đã tự nguyện hy sinh tài sản, ruộng vườn, sẵn sàng di chuyển đến vùng tái định cư mới ở Tam Trà, Tam Lộc, Tiên Lập, Tiên An huyện Tiên Phước và huyện Trà My, một số hộ khác đi kinh tế mới ở các tỉnh Tây Nguyên... Nhân dân các xã không phải di dời thì tự nguyện hiến hàng trăm ha ruộng vườn để xây dựng kênh mương mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì.

Nhờ đó, sau hơn 9 năm ròng rã xây dựng, ngày 27-3-1986, công trình Đại thủy nông Phú Ninh đã được khánh thành trong niềm vui khôn tả của bao người dân Quảng Nam. Việc xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh là một kỳ tích của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà



Lễ khánh thành công trình Thủy lợi Phú Ninh (ngày 26-3-1986)

Năng, đây thực sự là một biểu tượng lớn của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, ý Đảng và lòng dân.

Cùng với việc xây dựng thành công công trình đại thủy lợi Phú Ninh, phong trào làm thủy lợi, thủy điện nhỏ phục vụ sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân tiếp tục được triển khai mạnh mẽ khắp các địa phương, tiêu biểu như việc khởi công xây dựng 4 hồ đập Thạch Bàn, Vĩnh Trinh, Phú Lộc, An Trạch và nhiều đập nhỏ, hồ chứa nước như đập Trà Cân, hồ chứa nước Khe Tân (Đại Lộc)... Tại Hội An, từ sáng kiến làm thủy lợi trên vùng cát, lần đầu tiên với kỹ thuật chống thấm bằng tấm lát bê tông và gạch xây, chúng ta mạnh dạn dẫn nước qua nong cát dài 2 km, đưa nước về tưới cho hơn 500 ha đất đai các xã Cẩm Châu, Cẩm Thanh. Phát huy sáng kiến này, trong công

trình thủy lợi Phú Ninh, chúng ta đã mạnh dạn dẫn nước qua những nông cát dài hơn, với kỹ thuật hoàn chỉnh hơn về vùng cát Tam Kỳ, Thăng Bình, Duy Xuyên. Trong đó, tiêu biểu nhất là công trình thủy lợi - thủy điện Duy Sơn (Duy Xuyên) do ông Lưu Ban - Chủ nhiệm Hợp tác xã Duy Sơn 2 thực hiện. Đây không chỉ là một công trình mang tính sáng tạo, đột phá và linh hoạt, tạo điều kiện phát triển mạnh các ngành nghề dệt vải, may, màn trúc, mây tre xuất khẩu, du lịch sinh thái, góp phần quan trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân; mà còn là biểu tượng của sự đoàn kết lương giáo. Sống giữa một vùng đất Thiên Chúa giáo lâu đời, không cần phải sử dụng bất cứ thủ đoạn chính trị khôn khéo nào, mà bằng chính sự tận tâm, tận lực chăm lo cho các quyền lợi thiết thực của dân, Lưu Ban đã tập hợp được đông đảo giáo dân hăng hái đi theo mình. Ông đến nhà thờ chăm chú nghe giảng đạo nhiều lần, rồi ông nói với vị linh mục phụ trách giáo xứ và với giáo dân Trà Kiệu: *“Tôi thấy giữa Công giáo và Cộng sản có chỗ rất giống nhau, đều là muốn đem lại hạnh phúc cho con người. Công giáo hứa hẹn một thiên đường mai sau trên trời. Cộng sản thì mong muốn xây dựng một thiên đường trên mặt đất, ngay bây giờ. Vậy trong khi chờ đợi việc mai sau, ta hãy cùng nhau cố gắng làm việc bây giờ”*¹. Nói là làm, được sự hỗ trợ của tỉnh, ông đã cùng bà con đào kênh, đắp đập làm thủy điện thành công đạt 800 kw, sau nâng dần lên 1.200, rồi 2.000 kw. Và, ánh điện từ công trình thủy điện của ông Lưu Ban² đã thấp sáng rực rỡ trên khắp vùng đất giáo xứ vào loại lâu đời nhất của xứ Quảng. Con đường vận động giáo sĩ và giáo dân, thực hiện

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 353.

2. Năm 1985, ông Lưu Ban được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

sự đoàn kết lương giáo của ông Lưu Ban đã đem lại cho chúng ta nhiều bài học có ý nghĩa.

Tại địa bàn các huyện miền núi, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện phong trào định canh, định cư; trồng cây gây rừng, tổ chức các mô hình nông lâm kết hợp và trồng một số cây đặc sản như quế, mít, đào lộn hột; chấp hành những quy định về khai thác rừng, ngăn ngừa nạn cháy rừng, chặn bắt những kẻ khai thác, vận chuyển gỗ trái phép, bảo vệ nguồn tài nguyên rừng; vận động bà con xây dựng nền văn hóa mới, phát triển giai thông vận tải, thương nghiệp, y tế, văn hóa, giáo dục, đồng thời tăng cường lực lượng người Kinh lên xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội miền núi. Thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng của Trung ương, cuối năm 1983, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tiến hành giao đất, giao rừng cho Nhân dân quản lý và canh tác. Đây là một chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng, được Nhân dân đồng tình ủng hộ. Nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, toàn tỉnh đã trồng 1.500 ha rừng tập trung và trên 20 triệu cây phân tán, đạt 100% kế hoạch đề ra, đảm bảo được kế hoạch khai thác gỗ 40.000 m³. Diện mạo kinh tế - xã hội miền núi của tỉnh từng bước được đổi mới. Sản xuất lương thực đạt bình quân gần 500 kg/người. Chăn nuôi phát triển khá, tiến bộ rõ nhất là chăn nuôi bò. Nhiều huyện đã xây dựng được mô hình định canh, định cư. Đường giao thông đã nối liền các huyện lỵ với trục được quốc lộ 1A bằng ô tô.

Về phong trào công nhân lao động, phát triển tiêu thủ công nghiệp: Trên cơ sở đội ngũ công nhân công nghiệp hình thành từ cuối năm 1980 với khoảng hơn 15.000 người và gần 65.000 lao động tiêu thủ công nghiệp, làm việc tại 73 xí nghiệp

công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh, trong đó có 11 xí nghiệp của Trung ương, hơn 160 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chuyên nghiệp, gần 600 tổ sản xuất, giai cấp công nhân xứ Quảng đã sản xuất ra nhiều mặt hàng có giá trị, đưa tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1982 đạt 410 triệu đồng; trong đó tỷ trọng của thành phần công nghiệp quốc doanh là 110 triệu đồng, tiểu thủ công nghiệp là 300 triệu đồng, bằng 167% so với năm 1979, tốc độ tăng bình quân mỗi năm 19%.

Các ngành nghề truyền thống như trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa có bước phát triển nhanh chóng, đến cuối năm 1985, toàn tỉnh có 6.000 ha dâu, sản xuất hơn 4.000 tấn kén, 400 tấn tơ.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội: Sự nghiệp giáo dục, y tế, thể dục thể thao, công tác thương binh xã hội, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, thông tin, báo chí, văn hóa nghệ thuật, phát thanh và truyền hình đều có bước phát triển. Về giáo dục, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với chính quyền, các tổ chức thành viên mở cuộc vận động “*Nhà nước với Nhân dân cùng làm trường học*”. Qua đó, đã huy động được toàn dân đóng góp công sức, tiền bạc cùng với Nhà nước xây dựng cơ sở vật chất trường học. Trong giai đoạn này, mạng lưới các trường phổ thông ở hầu khắp các xã, phường, thị trấn; một số huyện bên cạnh trường Trung học phổ thông, còn có trường Trung học phổ thông vừa học vừa làm, cho dù các phòng học ở các huyện đồng bằng và miền núi phần lớn được làm bằng tranh, tre, nứa lá, chỉ một ít trường học có tường xây, mái ngói; các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng Nhà trẻ, trường Mẫu giáo theo liên đội sản xuất; bình quân toàn tỉnh cứ 3 người dân thì có 1 người

đi học. Tuy nhiên, ngành giáo dục vẫn còn nhiều hạn chế, một bộ phận giáo viên chưa thật sự yêu nghề, chưa yên tâm công tác; việc đầu tư nghiên cứu, học tập, trau dồi nghề nghiệp còn yếu. Tình hình giáo dục trên địa bàn miền núi giảm sút nghiêm trọng.

Ngành y tế có những cố gắng trong việc khám và chữa bệnh cho cán bộ và Nhân dân. Số trạm xá ở các xã, phường có cán bộ đạt trình độ trung cấp y tế trở lên chiếm 31,15%. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch chuyển biến tốt, tỷ lệ sinh giảm hằng năm 1,74%. Tuy nhiên, trình độ khám chữa bệnh của cán bộ y tế, nhất là ở tuyến dưới nhìn chung còn yếu, cơ sở vật chất khám chữa bệnh nghèo nàn, các loại thuốc chữa bệnh khan hiếm làm cho hàng nghìn người mắc bệnh, nhất là bệnh dịch thổ tả lây lan, kéo dài, điều trị thiếu kịp thời, làm chết một số người.

Các cuộc vận động “*Người công dân kiểu mẫu*”, “*Gia đình cách mạng gương mẫu*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*”..., được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tổ chức, vận động, tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân, góp phần làm cho chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trở nên gần gũi, gắn bó với Nhân dân. Đặc biệt, cuộc vận động xây dựng nếp sống mới được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể phát động sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân với nhiều nội dung rất phong phú, như phụ nữ với phong trào “*Người phụ nữ mới xây dựng đất nước*”, thanh niên với phong trào “*Đi đầu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN*”..., thể hiện rõ trong nếp sống lao động, trong tổ chức việc cưới, việc tang, bài trừ các tệ nạn mê tín dị đoan. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện

miền núi tập trung tuyên truyền giáo dục, vận động đồng bào dân tộc thiểu số xóa bỏ các tập tục lạc hậu, như phụ nữ sinh con ngoài rừng, pajâu (thầy cúng ma), ngãi nghệ... Tuy nhiên, những cuộc vận động này còn mang nặng tính phong trào, chưa đi vào chiều sâu và hiệu ứng xã hội chưa nhiều.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian này còn diễn biến phức tạp, tuy nhiên với thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, đặc biệt là phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc với gần 7.000 tổ an ninh nhân dân, 13.548 dân quân các loại, phong trào Đoàn Thanh niên kết nghĩa với Quân đội, Công an được hình thành ở khắp mọi địa bàn, nhất là ở các địa bàn trọng điểm và vùng ven biển. Quần chúng nhân dân đã cung cấp được 3.540 nguồn tin, trong đó có 947 tin có giá trị giúp cho cơ quan an ninh dập tắt kịp thời nhiều vụ nhen nhóm chống phá cách mạng của các tổ chức phản động như: “*Biệt đoàn thanh niên cờ đỏ*”, “*Mặt trận liên minh phục quốc*”, “*Bảo quốc Việt Nam Cộng hòa*”, “*Hắc long đoàn*” “*Biệt đoàn Quảng Đà*”, “*Việt Nam dân tộc cách mạng đảng*”... Từ phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, trong quần chúng đã xuất hiện nhiều tấm gương mưu trí dũng cảm, nhất là trong việc vây bắt số người vượt biển, đánh trả bọn cướp tàu, tự phá phương tiện hoặc dùng phương tiện phục vụ lực lượng vũ trang đuổi bắt bọn chúng như ông Trinh ở Thuận Phước, ông Đinh Xây ở Duy Xuyên...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, nhất là tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã vận động hàng vạn thanh niên lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, qua các năm đều hoàn thành vượt mức công tác tuyển quân; tham gia xây dựng lực lượng bộ đội tập trung, lực lượng

dự bị và dân quân tự vệ...; làm tốt nghĩa vụ giúp đỡ 2 nước bạn Lào và Campuchia về mọi mặt.

2. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ III; tăng cường công tác Mặt trận và khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (1984 - 1986)

Từ sau Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ II, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIII, Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã trải qua một thời kỳ phấn đấu đầy khó khăn, liên tục phải đối mặt với những thách thức của tình hình đất nước trong bối cảnh vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh.

Nhưng với truyền thống anh dũng kiên cường, đoàn kết trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, ý chí tự lực tự cường, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, đạt được nhiều thành tựu trên mọi lĩnh vực. Quan hệ sản xuất mới được thiết lập và từng bước được xây dựng củng cố, cơ sở vật chất bước đầu được xây dựng, sản xuất ngày càng phát triển, nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp, từng bước đã giải quyết được mục tiêu số 1 là lương thực, thực phẩm và việc làm cho Nhân dân. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Cùng với cả nước và vì cả nước, Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa xây dựng hậu phương, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược ở 2 đầu đất nước, vừa đập tan âm mưu bạo loạn lật

đồ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, vừa làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả theo đúng phương châm ‘*giúp bạn là giúp mình*’. Tình hữu nghị hợp tác giữa Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng với tỉnh Xalavan (Lào), tỉnh Battambang (Campuchia) ngày càng được củng cố và phát triển, góp phần cùng Nhân dân cả nước đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lên một tầm cao mới.

Trong 2 ngày, từ ngày 4 đến ngày 5 - 8 - 1984, tại Đà Nẵng đã diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ III. Tham dự Đại hội có hơn 300 đại biểu gồm đại diện các tổ chức thành viên, các tôn giáo, dân tộc, nhân sĩ trí thức và cá nhân tiêu biểu trong toàn tỉnh. Về dự và chỉ đạo Đại hội có các vị: Huỳnh Tấn Phát - Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hoàng Minh Thắng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị đánh giá những thắng lợi của sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân và tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ II (1981 - 1984); đồng thời chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong công tác Mặt trận của tỉnh, phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế; trong đó nguyên nhân chủ yếu là: Nhiệm vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chưa cụ thể; cấp ủy nhiều địa phương chưa nhận thức đúng vị trí, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bộ máy chuyên trách không đủ sức đảm đương nhiệm vụ. Việc xác định nhiệm vụ và quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa đủ để phát huy vai trò làm chủ tập thể của Nhân dân, nhất là trong thực hiện giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà

nước và góp phần ngăn chặn, đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, như báo cáo của Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam¹.

Đại hội thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ III, đề ra Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đại hội; hiệp thương cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh gồm 92 vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cử ra Ban Thường trực gồm Chủ tịch, 14 Phó Chủ tịch và Ban Thư ký, ông Ngô Xuân Hạ - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa II, tiếp tục được cử làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa III; các ông, bà: Phạm Bân, Lê Công Cơ, Thái Văn Diệm, Hồ Huyền, Nguyễn Văn Khương, Nguyễn Thị Lãnh, Nguyễn Lãm, Phan Như Lâm, Vĩnh Linh, Phạm Hồng Quang, Hoàng Thao, Nguyễn Thị Thanh, thượng tọa Thích Quang Thế, linh mục Nguyễn Quang Xuyên làm Phó Chủ tịch.

Căn cứ Chương trình hành động của Đại hội lần thứ II Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (5 - 1983); phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra; vai trò, vị trí, chức năng của tổ chức Mặt trận trong thời kỳ mới. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ III đề ra nhiệm vụ chung trong nhiệm kỳ tới: Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, nêu cao ý chí tự lực, tự cường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp Nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, nhân sĩ trí thức, các thành phần xã hội khác tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tăng cường sự đoàn kết nhất trí về chính trị

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 243 - 244.

và tư tưởng, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, với 5 mục tiêu chủ yếu trong 3 năm (1983 - 1985) và những năm 80 là: Nỗ lực khai thác mọi tiềm năng để đẩy mạnh sản xuất, tạo bước chuyển biến mới trên lĩnh vực phân phối lưu thông nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của Nhân dân, trước hết tập trung giải quyết căn bản về ăn, một bước về mặc, đáp ứng những nhu cầu tốt hơn về ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, vui chơi, giải trí; trên cơ sở qui hoạch, tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng chuyên canh, tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, đặc biệt cần tập trung sức tăng nguồn điện, ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để đẩy mạnh, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế; hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN trong nông nghiệp và công nghiệp, tiếp tục cải tạo thương nghiệp, nghề cá và tiểu thủ công nghiệp; tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh bảo vệ Tổ quốc, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng; kiện toàn và phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp.

Từ các nhiệm vụ chung vừa nêu, căn cứ chức năng nhiệm vụ của tổ chức Mặt trận đã được Đại hội lần thứ II Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xác định, Đại hội đã đề ra nhiều nhiệm vụ cụ thể của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp từ tỉnh xuống cơ sở, trong đó có mấy nhiệm vụ đáng chú ý:

- Tập trung tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền từ

tỉnh đến cơ sở, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng, góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Phản ánh nguyện vọng, ý kiến của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước, đề xuất và góp phần với Đảng và Nhà nước xây dựng luật pháp và chính sách có liên quan đến các tầng lớp Nhân dân; cùng các đoàn thể thành viên tổ chức thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Kiến nghị các cấp ủy đảng cần lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng công tác về cơ sở (xã, phường, thị trấn), nhằm đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng từ cơ sở và tạo ra cuộc sống mới ở khu dân cư bằng những hình thức và phương pháp linh hoạt, thích hợp với đặc điểm, điều kiện từng nơi. Đồng thời, các cấp ủy đảng cần làm cho cán bộ, đảng viên các ngành, chính quyền, các đoàn thể quần chúng nhận rõ tầm quan trọng của công tác Mặt trận trong giai đoạn hiện nay, uốn nắn những quan điểm, nhận thức không đúng về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Sau Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ III, để tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác, đặc biệt là tình đoàn kết chiến đấu giữa Nhân dân 3 nước Đông Dương, ngày 3 - 1 - 1985, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Phân hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia, ông Ngô Xuân Hạ - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được cử làm Chủ tịch Phân hội. Từ đây, Phân hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia trở thành thành viên mới của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà

Năng. Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình hành động của Đại hội, song song với việc triển khai học tập Chỉ thị số 53/CT-TW, ngày 28 - 11 - 1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*Về tăng cường công tác quần chúng của Đảng*”, với tinh thần cơ bản là: Phát huy quyền làm chủ tập thể XHCN của Nhân dân lao động, thực hiện thắng lợi “*hai nhiệm vụ chiến lược*”, “*ba cuộc cách mạng*”, xây dựng thành công chế độ mới, nền văn hóa mới và con người mới XHCN, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN; tổ chức tổng kết Chỉ thị 17- CT/TW, ngày 18 - 4 - 1983 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới*”; vận động Nhân dân mua công trái xây dựng Tổ quốc đợt II năm 1984; tổ chức tuyên truyền và học tập những nội dung cơ bản về Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; chuẩn bị hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, thị xã, xã, phường, thị trấn trong cả tỉnh vào ngày 20 - 5 - 1984; đồng thời làm tốt công tác chuẩn bị hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III, nhiệm kỳ 1985 - 1989.

Ngày 29 - 3 - 1985, tại Đà Nẵng, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức Lễ mít tinh kỷ niệm 10 năm ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (29/3/1975 - 29/3/1985) và đón nhận Huân chương Sao Vàng với sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, Lễ kỷ niệm còn có sự tham dự của Tổng Bí thư Lê Duẩn, đại tướng Chu Huy Mân - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Đánh giá những thành tựu mà Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đạt được sau 10 năm phấn đấu xây dựng, Tổng Bí thư Lê Duẩn khẳng định: “*Quảng*

Nam - Đà Nẵng đã thực hiện sáng tạo chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của địa phương. Một số mặt phát triển mạnh, nhất là sản xuất lương thực. Đời sống của Nhân dân được cải thiện, ổn định và giữ vững. Đó là thắng lợi của Đảng bộ và Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng”¹.

Tiếp theo, ngày 21 - 4 - 1985, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia thành công cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III². Tuy nhiên, do có 3 đơn vị bầu cử là Đà Nẵng, Tam Kỳ, Tiên Phước không bầu đủ số lượng theo quy định, nên ngày 28 - 4 - 1985, các đơn vị này đã tổ chức bầu thêm 3 đại biểu, đưa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đủ số lượng là 120 người.

Giữa lúc các tầng lớp Nhân dân ta đang phấn khởi ra sức thi đua thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng các cấp đề ra, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng đang chuyển biến tích cực, tháng 4 - 1985, Trung ương tiến hành cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ 2, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại sổ gạo cho người ăn lương đã tác động tích cực đến phân phối, lưu thông. Sự kiện này đánh dấu sự xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN trên phạm vi cả nước. Tháng 9 - 1985, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tiến hành thực hiện bù giá qua lương, đưa lương vào giá thành sản phẩm, điều này khích lệ Nhân dân gửi tiền tiết kiệm

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, Nxb. Đà Nẵng, trang 170.

2. Cả tỉnh có 46 đơn vị bầu cử, với 211 ứng viên. Kết quả có 99,7% cử tri toàn tỉnh đi bỏ phiếu. 117 ứng viên trúng cử, trong đó có 32 nữ, chiếm tỷ lệ 27,35%.

nhiều hơn. Tuy nhiên, với chính sách giá - lương - tiền mới, nhất là khi thực hiện việc đổi tiền, đã làm giá cả tăng đột biến, đồng tiền mất giá, gây ra cú sốc lớn với toàn xã hội.

Nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, lạm phát tăng với tốc độ phi mã lên đến mức trên 2 con số (77,4%). Sản xuất bị đình trệ, nhiều nhà máy, xí nghiệp gần như dậm chân tại chỗ; giá cả tăng mạnh, khiến đời sống cán bộ, công nhân viên và Nhân dân lao động gặp rất nhiều khó khăn; phân phối lưu thông gặp nhiều rối ren và trở thành vấn đề cấp bách nóng bỏng, cộng thêm những sai lầm trong quản lý kinh tế - xã hội, quản lý Nhà nước đã ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất, đời sống cán bộ và Nhân dân. *“Những sai lầm nói trên là sai lầm nghiêm trọng cả về chủ trương chính sách, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”*¹.

Lợi dụng những khó khăn thiếu sót của ta, các lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước tìm mọi cách nói xấu chế độ, kích động các đối tượng bất mãn, thoái hóa biến chất và các phần tử cực đoan trong các tôn giáo chống lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, hòng làm suy yếu sức mạnh dân tộc. Nhưng với truyền thống đoàn kết, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn, thử thách, Đảng bộ và Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng vẫn bình tĩnh, tập trung suy nghĩ tìm cách khắc phục, quyết tâm đưa quê hương thoát khỏi đói nghèo, tiến lên ấm no hạnh phúc không chỉ bằng ý chí sắt đá được tôi luyện qua những năm tháng chiến tranh, mà còn bằng cả trí tuệ và tình yêu mãnh liệt đối với vùng đất *“nặng nghĩa tình”*, *“chưa mưa đà thấm”* trong truyền thống

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1987, trang 213.

nhân văn. Đó là, phải tập trung sức đột phá vào những khâu trọng yếu nhất, như giải quyết vấn đề ách tắc trong phân phối lưu thông, phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nhằm giải quyết yêu cầu bức thiết trước mắt là vấn đề “ăn” của xã hội; tăng cường trận địa kinh tế XHCN; Nhà nước nắm hàng, nắm tiền và làm chủ thị trường trên những mặt hàng thiết yếu.

Thực hiện chủ trương trên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với chính quyền và Hội Nông dân các cấp tích cực tuyên truyền, động viên hội viên và các tầng lớp Nhân dân vượt qua khó khăn, sử dụng triệt để mọi nguồn lực của xã hội để phát triển sản xuất; khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư như tình trạng khoán trắng cho nông dân, buông lỏng công tác quản lý điều hành, giải quyết mối quan hệ “3 lợi ích” chưa thỏa đáng, làm cho lợi ích tập thể tăng lên không đáng kể, sản lượng lương thực đóng góp cho Nhà nước đưa vào phân phối lưu thông còn thấp. Đặc biệt, vận động nông dân thực hiện tốt Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc giao đất, giao rừng đến hộ nông dân, gắn quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích vật chất để khuyến khích nông dân tích cực lao động sản xuất; Chỉ thị về củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất ở nông thôn miền núi, nhằm đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, nâng cao đời sống của Nhân dân vùng cao (1 - 1985); Chỉ thị về việc tiếp tục xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN, phát triển kinh tế thủy sản, nông, lâm, ngư nghiệp và ngành nghề miền biển; Chỉ thị về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp (6 - 1985); Chủ trương của Hội

ng nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) về giá mua lương thực và nông sản...

Nhờ thực hiện những giải pháp mang tính đồng bộ và làm tốt công tác tư tưởng cho Nhân dân, nên phong trào nông dân, nông nghiệp và nông thôn Quảng Nam - Đà Nẵng có bước phát triển khá, nhất là sau hơn 4 năm thực hiện cơ chế khoán mới, nông nghiệp toàn tỉnh có sự chuyển biến lớn, giải quyết thành công mục tiêu tự túc lương thực của tỉnh. Sau hơn 10 năm, tính từ ngày giải phóng, sản lượng lương thực cây có hạt đạt 358,2 ngàn tấn (gấp 3,6 lần so với năm 1975), bình quân lương thực đầu người từ 140 kg (1975) tăng lên 317,8 kg; đàn gia súc, gia cầm tăng gấp 2 lần so với năm 1976; một số nông lâm sản được khai thác, thu mua phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu. Thủy sản đã có bước phát triển, cả khai thác và nuôi trồng. Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản chỉ tính riêng năm 1985 gấp 1,98 lần so với năm 1976¹. Đồng bào các dân tộc miền núi, nhất là vùng núi cao hẻo lánh thực hiện định canh, định cư gắn liền với sản xuất tập thể và bước đầu đem lại những kết quả đáng khích lệ. Tính đến năm 1986, có hàng chục ngàn người định canh, định cư. Với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, được Nhà nước hỗ trợ, đồng bào các dân tộc trong tỉnh tham gia xây dựng hàng chục công trình thủy lợi, đắp hàng ngàn km đường giao thông, làm hàng trăm cây cầu. Các xã định canh, định cư đều kết hợp với việc vận động, tổ chức tổ đổi công, vòng công, thâm canh lúa nước đạt năng suất cao, điển hình như Trà Dương, Trà Nú (Trà My), góp phần hạn chế được nạn đói giáp hạt kinh niên. Chăn nuôi, trồng và bảo vệ rừng, xây dựng vườn rừng, đào ao nuôi cá...

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 24 - 25.

phát triển nhanh, đời sống của đồng bào các dân tộc ngày càng ổn định và từng bước được nâng cao.

Trong thời gian này, một sự kiện có ý nghĩa lớn đối với nhân dân vùng B Đại Lộc là ngày 26 - 3 - 1986, tỉnh tổ chức lễ khởi công xây dựng công trình hồ chứa nước Khe Tân. Theo thiết kế, đây là công trình thủy lợi lớn thứ 2 của tỉnh sau công trình đại thủy nông Phú Ninh. Trong quá trình thi công, Nhân dân các huyện trong tỉnh tham gia đóng góp hàng triệu ngày công, góp phần vào thành công của công trình.

Thương nghiệp dịch vụ được mở rộng phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu. Số cơ sở kinh doanh, lao động tăng nhanh, gấp trên 4 lần, trong đó có 239 doanh nghiệp hoạt động, chủ yếu là hệ thống hợp tác xã mua bán chiếm gần 50% (116 đơn vị). Tổng mức bán lẻ hàng hoá gấp 4,5 lần so với năm 1976. Xuất khẩu năm 1976 không đáng kể, đến năm 1985 đạt hơn 10 triệu đô la - rúp.

Sau 10 năm, công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế đã đạt được những kết quả vượt bậc. Trên lĩnh vực kinh tế, đã có bước phát triển khá toàn diện. Thu nhập quốc dân tăng gấp 2,7 lần; bình quân tăng 11,7%/năm; cơ cấu kinh tế đã có sự thay đổi theo hướng tích cực, bước đầu công nghiệp và dịch vụ có sự phát triển, mặc dù nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ yếu: tỷ trọng nông nghiệp trong thu nhập quốc dân từ 90,3% giảm còn 72,6%; công nghiệp - xây dựng từ 4,6% tăng lên 14,2%; dịch vụ từ 5,1% tăng lên 13,2%¹.

Về văn hóa - xã hội đã tập trung giải quyết ổn định đời sống Nhân dân, chăm lo phát triển giáo dục và tạo công ăn việc

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 25.

làm cho người lao động; hệ thống các trường dân tộc nội trú được xây dựng ở tất cả các huyện miền núi, hình thành Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh tại Hội An để trực tiếp tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được xây dựng một bước, góp phần phát triển kinh tế, văn hoá và cải thiện vùng nông thôn của tỉnh.

Hoạt động của các tổ chức thành viên, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội nghề nghiệp đã bám sát phong trào cách mạng của quần chúng, tập trung phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của sản xuất kinh doanh; kịp thời phát hiện nêu gương “*Người tốt việc tốt*” và các điển hình tiên tiến; lấy điển hình nhân rộng điển hình; lấy cái tốt đẩy lùi cái xấu. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp vận động các tầng lớp Nhân dân đóng góp áo ấm tặng bộ đội theo Thông tri số 35/TT-TU, ngày 24 - 10 - 1985 của Tỉnh ủy; tổ chức phong trào thi đua yêu nước XHCN năm 1986 theo Chỉ thị số 84/CT-TU, ngày 29 - 1 - 1986 của Tỉnh ủy; mở Đại hội thi đua yêu nước toàn tỉnh lần thứ III (29 đến 30 - 3 - 1986)...

Anh chị em văn nghệ sĩ, trí thức đã hòa nhập với nhịp sống quê hương đất nước, vui mừng trước những thắng lợi, chia sẻ những khó khăn, bám sát phong trào quần chúng, phản ánh thực tiễn và hơi thở cuộc sống. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật đã có những tiến bộ vượt bậc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tháng 4 - 1986, để đẩy mạnh công tác Mặt trận cho phù hợp với tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cử ông Phạm Thanh Ba - Tỉnh ủy viên về làm Trưởng Ban Dân vận, ông Ngô Xuân Hạ chỉ đảm nhận chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh lãnh đạo, tổ chức xây dựng, phát triển lực lượng dân quân tự vệ; Liên hiệp Công đoàn tỉnh phối hợp với Sở Thủy sản nghiên cứu triển khai tổ chức Hội lao động hợp tác nghề cá với tổ chức lực lượng bảo vệ sản xuất trên biển; kết hợp kinh tế với quốc phòng ở vùng ven biển.

Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thực hiện tiết kiệm là một trong những công tác trọng tâm của các cấp công đoàn. Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, phong trào đã diễn ra sôi nổi ở hầu khắp các huyện, thị, thành phố. Tiêu biểu như công nhân tổ vận hành Nhà máy xay xát Tam Xuân có sáng kiến dùng sắt chữ V cỡ lớn thay cho sắt chữ V cỡ nhỏ ở bộ phận sàng tạp chất và lấp ròi, giảm độ rung và độ mài mòn của sàng, thiết kế giá gỗ có điểm tựa chính xác khi đưa cánh quạt vào hàn, giảm độ lệch tâm của hệ thống quạt..., đưa tỷ lệ gạo lên 68,5%, vượt 5% do Sở Lương thực giao. Công nhân Xí nghiệp vật liệu xây dựng Điện Bàn có sáng kiến khi xếp gạch vào lò ghép 9 cầu lò thành 3 cầu, đưa công suất nung từ 18.000 viên lên 22.000 viên mỗi kỳ/lò. Tại Xí nghiệp mộc Hội An, công nhân đã chế tạo thành công một máy nghiền và những dụng cụ khác dùng sản xuất sơn đạt chất lượng không kém sơn Hà Nội với giá thành hạ... Cuối năm 1985, chỉ tính ở 193 đơn vị cơ sở đã có 5.528 sáng kiến, làm lợi 2.100.000 đồng, tiết kiệm vật tư, nguyên liệu được 1.849.000 đồng. Phong trào phấn đấu xây dựng tổ, đội lao động XHCN cũng diễn ra sôi nổi khắp mọi nơi, góp phần tạo khí thế trong lao động sản xuất. Nhiều công nhân vượt định mức gấp 2, 3 lần. Số cơ sở sản xuất, lao động công nghiệp tăng gấp 1,7 lần; giá trị sản xuất công nghiệp gấp 4,18 lần so với năm 1976. Một số ngành công nghiệp khai thác, chế biến có bước phát triển mạnh; hàng loạt công trình thủy

điện nhỏ và vừa phục vụ phát triển công nghiệp và sinh hoạt ở nông thôn được hoàn thành đưa vào sử dụng như thủy điện Phú Ninh: 2000 kw, Sông Cùg (Đại Lộc): 400 kw, Hà Ra (Nam Giang): 360 kw, Cẩm Dơi (Quế Sơn): 40 kw, Đại Quang 3 (Đại Lộc): 360 kw, Duy Trinh (Duy Xuyên): 40 kw, Tiên Lãnh (Tiên Phước): 80 kw. Tiếp tục khởi công xây dựng các công trình thủy điện Đại Đồng (Đại Lộc): 350 kw, Nước Xa (Phước Sơn): 750 kw, Nước Oa (Trà My): 800 kw, Nông trường Quyết Thắng (Đông Giang): 40 kw, Cà Dập (Đông Giang): 180 kw¹.

Các cấp Hội Phụ nữ trong tỉnh cũng đẩy mạnh công tác vận động, tổ chức, hướng dẫn phụ nữ phát huy vai trò người mẹ, góp phần xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ; tích cực chăn nuôi, phát triển đàn gia súc, gia cầm, giữ mức bình quân mỗi hộ từ 1 đến 2 con heo, trọng lượng xuất chuồng cũng tăng từ 35 kg (1980) lên 60 kg (1986). Thi đua với chị em ở đồng bằng, phụ nữ miền núi cũng ra sức tăng gia sản xuất, đẩy mạnh phong trào trồng bông, dệt vải, trồng các loại cây công nghiệp như quế, tiêu, chè, trâu... Nổi bật nhất là chị em phụ nữ huyện Giăng, chỉ tính riêng năm 1986, họ đã khôi phục nghề trồng bông dệt vải, gieo hàng trăm ang giống, dệt được 500 tấm xà lung, 38 tấm tuốt... Phụ nữ công nhân viên chức cũng sôi nổi thực hiện các phong trào thi đua “Giành 3 điểm cao”, “Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật”, “Hai tốt”, “Thầy thuốc như mẹ hiền”, “Hướng về chiến sĩ tiền phương”, “Con gà tiền tuyến”, “Hũ gạo nuôi quân”...

Đoàn thanh niên các cấp trên địa bàn tỉnh tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho đoàn viên, thanh niên, thiếu niên...; vận động đoàn

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 24.

viên, thanh niên tiếp tục thực hiện vai trò xung kích. Cuộc hành quân truyền thống “*Theo bước chân những người anh hùng*” do Trung ương Đoàn phát động từ năm 1983 và kết thúc vào ngày 19 - 5 - 1985 đã trở thành ngày hội của tuổi trẻ. Nổi tiếp phong trào này, tuổi trẻ trong tỉnh lại tiếp tục hưởng ứng cuộc hành quân “*Theo chân Bác*”, phát động các đợt thi đua “*55 năm ngày đêm thần tốc tiến công, đập bằng gian khổ, quyết giành toàn thắng*”, tổ chức những ngày công lao động XHCN, động viên thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự...

Có thể nói, trong giai đoạn 1975 - 1986, cùng với cả nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng luôn nêu cao vai trò, vị trí của mình trong việc tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; tích cực vận động, hướng dẫn các tầng lớp Nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đã đạt được những kết quả to lớn trên nhiều mặt, ngày càng xuất hiện nhiều phong trào hành động cách mạng có chất lượng của quần chúng Nhân dân, góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Tuy nhiên, nhìn chung tình hình tổ chức và hoạt động của các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Đặc biệt, các tổ chức đoàn thể chưa thật sự chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, đoàn viên; thiếu hướng dẫn giúp đỡ hội viên, đoàn viên phát triển kinh tế gia đình. Đội ngũ cán bộ các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường, nhưng phần lớn chưa được đào tạo, bồi dưỡng cơ bản, còn thiếu năng lực trong công việc, quan hệ giữa các tổ chức đoàn thể ở cơ sở với các đơn vị kinh tế tập thể (nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất...) chưa rõ ràng, còn chông chéo, kém hiệu quả.

Từ giữa năm 1985 trở đi, trên địa bàn tỉnh tư tưởng chủ quan duy ý chí, muốn làm nhanh, “*nhanh nhất*”, nhưng lại thiếu và coi thường tri thức khoa học công nghệ, thiếu cả kinh nghiệm, tưởng có thể làm tất cả theo cung cách thời chiến tranh bắt đầu manh nha và phát tán mạnh mẽ. Lãnh đạo các cấp cũng dần dần có khuynh hướng xa dân, cũng tức là xa rời thực tế, từ đó đi đến không thật sự lấy lợi ích thiết thực của người dân làm tiêu chuẩn hàng đầu, mà lấy cải tạo quan hệ sản xuất làm mục đích hàng đầu, chạy theo thành tích, chạy theo hình thức, bằng mọi cách hoàn thành sớm, càng nhanh càng tốt bất chấp hậu quả làm cho kinh tế trì trệ, xã hội xuống cấp, nội bộ “*có vấn đề*”¹, mà chúng ta sau này đã phải mất khá nhiều thời gian và công sức mới từng bước khắc phục được.

Mặc dù còn có những hạn chế như trên, nhưng những thành tựu mà Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đạt được sau hơn 10 năm xây dựng có ý nghĩa quan trọng. Có được những thành tựu to lớn ấy là do nhiều nguyên nhân: Sự nhạy bén, năng động, sáng tạo của Đảng bộ và chính quyền trong bối cảnh kinh tế - xã hội đầy khó khăn, phức tạp sau chiến tranh, đã mạnh dạn tìm được một lối ra khác, phù hợp với thực tế, hợp với lòng dân, tránh được “*lối tư duy giáo điều vận dụng mô hình xây dựng XHCN từ những năm của thập kỷ sáu mươi ở miền Bắc đang có xu hướng phổ biến, trong điều kiện của sự ràng buộc của cơ chế hành chính bao cấp vốn là cần thiết nhất định trong thời chiến đang được kéo dài quá mức và trở thành nhược điểm*”². Việc hoàn thành thắng lợi xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh và công tác thủy lợi hoá đồng ruộng

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 141.

2. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 140.

nói chung thời kỳ này là một ví dụ điển hình, đó là một “*chủ trương khác với “lý luận” được coi là “kinh điển” thời bấy giờ phải chờ hợp tác hoá thì mới có động cơ và lực lượng để thủy lợi hoá*”¹. Đó là do trên dưới một lòng, cả tỉnh ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển sản xuất, chăm lo cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân; con người Quảng Nam tiếp tục phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến, hùng hực chiến đấu chống lại đói nghèo, lạc hậu, quyết tâm tạo nên những kỳ tích mới trên mảnh đất “*trung dũng kiên cường*” trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Đặc biệt, trong những năm tháng này, trên mảnh đất Quảng Nam - Đà Nẵng mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, giữa những người lãnh đạo với người dân vẫn khăng khít như những những ngày khói lửa chiến tranh. Gần như mỗi ngày Đảng đều nghe được tiếng nói và cả tâm tình, ước vọng của quần chúng đối với hiện tại và cả tương lai. Nhờ đó mà nhiều chủ trương của lãnh đạo đã thực sự trở thành cao trào chính trị trong điều kiện mới - cao trào chính trị trong xây dựng hòa bình của quần chúng. Nhiều vị lãnh đạo cao nhất của tỉnh đã trực tiếp xuống với dân, bàn bạc với các bậc lão nông tri điền như con cháu trong nhà. Tại Gò Nổi (Điện Bàn), không ít lần người dân đã nói thẳng với Bí thư Tỉnh ủy: “*Thôi việc này các chú làm sai rồi, làm sai thì nhận sai đi, đừng có chối, rồi ta bày cho cách mà sửa...*”². Dựa vào dân, tin dân, trọng dân và vì dân, đó là con đường ngắn nhất để đi tới mọi thành công. Vì vậy, có thể nói đây là giai đoạn mà chúng ta đã kế tục xuất sắc mọi tư tưởng về Dân trên hành trình lịch sử hơn 500 năm của xứ Quảng.

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 140.

2. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 140.